

**Bước Đầu Tìm Hiểu
ĐẠO CAO ĐÀI**

QUYỂN 2

SÁCH BIỂU

-- 0 --

**TỘC ĐẠO SAN DIEGO
1041 VISTA OAK PLACE
Chula Vista , CA 91910
(619)216-6916**

**KHÁI NIỆM VỀ
ĐẠO CAO ĐÀI**
Cách Thờ - Lễ Bái - Ý Nghĩa của Lễ Bái

*Bản Thảo Để Sửa Chữa
Và Bổ Sung*

Hiên tài **NGUYỄN TRUNG ĐẠO** *sứu tâm*
Trưởng Nhiệm Giáo Lý
BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI
---- 2005 ----

Lời Mở Đầu

Sưu tầm tài liệu để biên soạn “**Bộ sách Bước Đầu Tìm Hiểu ĐẠO CAO ĐÀI**”, chúng tôi có một ước vọng nho nhỏ là có thể giúp ích được cho một vài quý vị muốn tìm hiểu sơ lược về Đạo Cao Đài. Chỉ cần khoảng thời gian rất ngắn là có thể có một khái niệm về nền Đại Đạo này, đến nay chỉ mới vừa được 80 tuổi, nhưng đã được Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tiên tri nguơn hội kéo dài đến thất ức niên, tức 700 000 năm (bảy trăm ngàn năm).

Ngoài ra, Bộ tập sách nhỏ này cũng có thể giúp đỡ cho những tín hữu mới nhập môn mà không có điều kiện thời gian để đọc nhiều sách Đạo.

Mặc dầu trong lần in lại, chúng tôi có sửa chữa theo sự góp ý của các Huynh Tỷ, nhưng vì khả năng còn hạn chế, nên chúng tôi không thể tránh được những sai sót. Kính mong Quý Đồng Đạo chỉ cho những chỗ còn sai sót để chúng tôi có điều kiện học hỏi thêm.

San Diego, Hè Ất Dậu 2005
Hiền tài Nguyễn Trung Đạo

GÓP Ý : Xin liên lạc về
Hiền tài Nguyễn Trung Đạo
-Điện thoại : (619)216-6916
-Địa chỉ : 1041 Vista Oak Place
Chula Vista, CA 91910

MỤC LỤC

<i>Lời Mở Đầu</i>	3
<i>Chương Trình Hiến Pháp</i>	5
<i>Tam Kỳ Phổ Độ</i>	7
<i>Một Trăm Ưc Nguyên Nhon</i>	20
<i>Thiên Bàn</i>	23
<i>Tín Đồ Cao Đài</i>	29
<i>Cúng Bái Trong Đạo Cao Đài</i>	34
<i>Ý Nghĩa và Sự Quang Trọng Của Việc Cúng Kiếng</i>	57

Đã có sửa chữa theo góp ý của Quý Huynh Tỷ

GHI CHÚ : Những hàng chữ in nghiêng nằm trong hai dấu ngoặc kép "... .." là những đoạn trích dẫn từ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển hoặc Thánh Giáo.

CHƯƠNG-TRÌNH HIẾN-PHÁP

Năm Mậu Thìn (1928), Đức LÝ GIÁO TÔNG giao cho Ông Phối Sư Thái Ca Thanh lập chương trình Hiến Pháp để Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh điều hành cơ Đạo đi đúng Tân Luật & Pháp Chánh Truyền, theo Thánh ý Đức CHÍ TÔN.

Ngày 14 tháng 7 Mậu Thìn (28-8-1928) khi lễ Trung Ngươn, Hội Thánh có nhóm họp với sự hiện diện đông đủ Chư Chức Sắc Thiên Phong Cửu Trùng Đài, có lập Vi Bằng ký tên để lưu giữ như sau :

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 28-08-1928

VI BẰNG

Chiều ngày 14 tháng 7 năm Mậu Thìn, y theo tờ mời nhóm của Hiệp Lý “Cửu Trùng Đài”, các Quản Lý “Cửu Viện” tựu tại Tòa Thánh hồi 7 giờ tối với các Chức Sắc Thiên Phong có mặt kể ra sau này :

Ông Phối Sư Thái Ca Thanh đọc chương trình Hiến Pháp.

CHƯƠNG-TRÌNH HIẾN-PHÁP

CHƯƠNG THỨ NĂM

Điều thứ 22.- Nghiêm cấm trong Đạo không ai dặng lấy danh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và dùng THIÊN AN, THIÊN NHÂN mà đề vào bìa kinh sách, bố cáo, vãn vãn... hay in Thánh Tượng Kinh sách (bán hoặc phát không) nếu kinh sách và Thánh Tượng ấy không có trình Ban Kiểm Duyệt xem trước và đóng con dấu kiểm duyệt.

Điều thứ 23.- Ai phạm nhằm hai điều lệ trên đây thì các kinh sách, tượng ấy phải đem nạp cho Tổng Lý hủy bỏ. Người có lỗi ấy sẽ giao về Bình Viện phân đoán, chiếu theo điều lệ thứ 9 (Chương III).

Thăng như người ngoại Đạo mà phạm nhằm điều lệ thứ 22 thì Quản Lý Nội Viện chạy tờ Châu Tri cho Chư Đạo Hữu các nơi biết, mà không dùng đến kinh sách, tượng in sai phép ấy.

Điều thứ 24.- Kể từ ngày ban hành “Chương-Trình Hiến-Pháp” duy có một mình Hội Thánh “Cửu Trùng Đài” được quyền in kinh sách, tượng để hiệu “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”.

Làm tại Tòa Thánh, ngày rằm tháng bảy năm Mậu Thìn

Ký tên :

Chưởng Pháp : Trần Đạo Quang

Đầu Sư :

Thượng Trung Nhựt - Ngọc Lịch Nguyệt

Chánh Phối Sư :

Ngọc Trang Thanh – Thượng Tương Thanh – Thái Thơ Thanh

Phối Sư :

Thái Ca Thanh - Thái Bính Thanh

Giáo Sư :

Thượng Thành Thanh – Thượng Giảng Thanh – Thượng Vinh Thanh
(Nguyễn Thế Vinh)

Thượng Lai Thanh - Ngọc Tự Thanh

Giáo Hữu :

Lê Châu Tri – Lê Văn Sanh – Đỗ Quang Ngự

Trần Quang Minh – Tuyết Tấn Hồng

Lễ Sanh : Nguyễn Văn Phùng

Lục rút y bản chánh lưu tại Tòa Thánh

Thượng Đầu Sư

THƯỢNG TRUNG NHỰT

*(Tài liệu này do một vị Chức
Sắc Thiên Phong cung cấp)*

TAM KỶ PHỔ ĐỘ

I.- THÁNH ĐỊA TÂY NINH

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là *Đạo Cao Đài*, được khai minh tại Việt Nam vào ngày **RẪM THÁNG MƯỜI NĂM BÍNH DẦN** (19-11-1926) nơi Thánh Thất tạm đặt tại chùa Gò Kén, tỉnh Tây Ninh, bằng huyền diệu cơ bút của Đức NGỌC HOÀNG THUẬN ĐẾ, tá danh là *Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*, mà người tín hữu Cao Đài thường gọi là Đức CHÍ TÔN. Lễ Khai Đạo được dự kiến trong vòng 3 ngày, nhưng vì nhơn sanh khắp nơi vẫn tiếp tục kéo về xin bái lễ và nhập môn cầu Đạo quá đông nên buổi lễ phải kéo dài đến khoảng 3 tháng. Sau đó, Thánh Thất được dời về vùng đất bây giờ mà người Tín đồ Cao Đài gọi là Vùng Thánh Địa.

Tại sao vùng đất này được gọi là Vùng Thánh Địa ?

Ngày 21-2-1927, cũng tại chùa Gò Kén, Đức CHÍ TÔN giảng cơ có dạy :

“ Các con phải chung hiệp nhau mà lo hoàn toàn Tòa Thánh, chỉ chi cũng ở tại Tây Ninh này mà thôi ”.

Sáng ngày 23-2-1927, theo lời chỉ dạy của Đức **Đại Tiên Trưởng Thái Bạch Kim Tinh**, Hội Thánh đi tìm mua được đất. Sau đó, Đức Đại Tiên Trưởng đã dạy tiếp như sau :

“ Lão cắt nghĩa tại sao cuộc đất ấy là Thánh Địa ?

Sâu hơn 300 thước, như con sông, giữa trung tâm đất giáp lại trùng giữa 6 nguồn, làm như 6 con rồng doanh nhau.

Nguồn nước ấy trùng ngay đỉnh núi, gọi là LỤC LONG PHỒ AN. Ngay miếng đất dạng 3 đầu : Một đầu ra giếng mạch Ao hồ, hai đầu nữa bên cạnh rừng bên kia ”.

Cho tới ngày nay, Vùng Thánh Địa gồm có : vùng Nội Ô và vùng Ngoại Ô.

***Vùng Nội Ô** là một thửa đất như hình chữ nhật có diện tích 96 hec-ta, có tường gạch rào chung quanh rất vững chắc, với 12 cửa ra vào, cửa lớn nhất được gọi là Chánh Môn. Trong Nội Ô có :

- **Đền Thánh** để thờ Đức THƯỢNG ĐẾ,
- **Báo Ân Từ** để thờ Đức PHẬT MẪU.

Đền Thánh hay Tòa Thánh là một công trình kiến trúc vĩ đại và kỳ diệu của Đạo Cao Đài, là một kỳ quan về kiến trúc của Việt Nam. Tòa Thánh được khởi công xây dựng đợt nhất vào năm 1931, đợt nhì vào năm 1933, đợt 3 vào năm 1935, đợt 4 vào năm 1936 và liên tục trong khoảng chừng 5 năm đến giữa năm 1941 mới được hoàn thành phần căn bản, chỉ còn phần đắp vẽ và trang trí, nhưng phải tạm ngưng vì bị quân đội Pháp chiếm đóng. Mãi đến ngày 24-01-1947 Tòa Thánh mới được hoàn thành. Ngày 27-01-1947 Đức Hộ Pháp làm lễ Trấn Thần Tòa Thánh. Lễ Khánh thành Tòa Thánh và các dinh thự trong Nội Ô được tổ chức rất long trọng trong 11 ngày từ ngày 6-1-Ất Hợi đến ngày 16-1-Ất Hợi (từ 29-1-1955 đến ngày 08-02-1955).

Tòa Thánh Tây Ninh là một cung điện nguy nga tráng lệ được cất theo kiểu vở của THIÊN ĐÌNH, theo lệnh của Ôn Trên chỉ dạy và vẽ họa đồ thông qua cơ bút, xứng đáng là **Bạch Ngọc Kinh tại thế**, tiêu biểu cho nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với tôn chỉ “ *Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt* ”. Kiểu cách hình dáng của Ngôi Tòa Thánh là một sự

phối hợp hài hòa của các văn minh kiến trúc của các nền Tôn Giáo lớn trên thế giới. Một ví đại diện của bất cứ tôn giáo nào vào viếng Tòa Thánh Tây Ninh cũng thấy được sắc thái của tôn giáo mình nơi đó.

Ngoài ra, trong Nội Ô còn có nhiều kiến trúc và dinh thự dùng làm cơ quan làm việc cho Chư vị Chức Sắc Thiên Phong, như là :

- Tượng Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta cỡi bạch mã Kiên Trắc và người hầu là ông Xa-Nặc vượt hoàng cung đi tìm nơi tu hành ;

- Ba Bửu Tháp của Ba Vị Chức Sắc cao cấp bên Hiệp Thiên Đài : bửu tháp Đức Phạm Hộ Pháp, bửu tháp Đức Cao Thương Phẩm, bửu tháp Đức Cáo Thượng Sanh ;

- Các Bửu Tháp của Quý Vị Chức Sắc cao cấp bên Cửu Trùng Đài : bửu tháp Đức Quyền Giáo Tông, bửu tháp Quý Vị Nam và Nữ Đầu Sư ;

- Tòa Nội Chánh, Giáo Tông Đường, Hộ Pháp Đường, Văn Phòng Hiệp Thiên Đài, Nam Đầu Sư Đường, Nữ Đầu Sư Đường, Văn phòng Ban Thế Đạo, Văn Phòng Đại Đạo Thanh Niên Hội, Văn Phòng Ban Đạo Sử ;

- Nhà Khách, Trai Đường, Cơ Quan Phát Thanh, Nhà Đền, Ban Kiến Trúc, Y Viện Hành Chánh, Y Viện Phước Thiện, Cô Nhi Viện ;

- Tiếp Lễ Nhạc Đường (Bộ Nhạc + Bộ Lễ), Ban Tổng Trạo, Trung Tông Đạo, Bắc Tông Đạo, Hội Thánh Hàm Phong, Văn Phòng Hội Thánh Đường Nhơn, Văn Phòng Hội Thánh Tản Nhơn, Nhà Vạn Linh (Hội Thánh Ngoại Giáo ?) ;

- Khách Đình, Ban Nhà Thuyền (ngoài đời gọi là Ban Đạo tỳ) ;

- Hạnh Đường, Giảng Đường, Đạo Đức Học Đường,...

Bên cạnh đó còn có những Công viên như là : Đại Đồng Xã với Đông và Tây Khán đài, Cửu Trùng Thiên, Bá

Huê Viên, Rừng Thiên Nhiên, ...

***Vùng Ngoại Ô** Tòa Thánh là một vùng đất rộng lớn gọi là **Châu Thành Thánh Địa**, được các Tín đồ đến khai khẩn để cư ngụ, và được *Đức Phạm Hộ Pháp* quy hoạch rất có kỹ thuật, với những con đường đi rộng lớn và thẳng góc với nhau. Diện tích của phần Ngoại Ô vào khoảng 20.382 hec-ta¹ (1ha = 10.000 mét vuông).

Vùng Châu Thành Thánh Địa bao bọc chung quanh Vùng Nội Ô Tòa Thánh được chia ra làm 20 Phận Đạo² (vào năm 1975), ở mỗi Phận Đạo có một **Thánh Thất thờ Đức CHÍ TÔN** và một **Điện Thờ PHẬT MẪU**. Ngoài ra, trong vùng Châu Thành Thánh Địa còn có các cơ sở sau đây :

1)-**Trí Huệ Cung** ở Thiên Hỷ Động, xã Trường hòa,

2)-**Trí Giác Cung** ở Địa Linh Động, xã Trường hòa,

3)-**Vạn Pháp Cung** ở Nhơn Hòa Động, xã Ninh Thạnh,

4. Báo Quốc Từ,

5. 12 cái Bửu Tháp của Thập Nhị Thời Quân,

6. Viện Đại Học Cao Đài,

7. Trung Học Lê Văn Trung.

8. Chợ Long Hoa và các Chợ nhỏ cũng do Đạo Cao Đài tạo dựng.

9. Một Nghĩa Trang rất lớn, khoảng 50 hec-ta, gọi là **Cực Lạc Thái Bình** ở cách Tòa Thánh khoảng 2 Km, về hướng núi Điện Bà.

Từ ngày Khai Đạo đến nay, mặc dù phải chịu nhiều cản trở về phía nhà cầm quyền thuộc địa Pháp, nhưng trên

¹ Theo Bản đồ : Vị Trí Thánh Địa và vùng Phụ cận Tòa Thánh.

² Theo Thống Kê : Trước năm 1974 thì có 18 Phận đạo, đến năm 1974 thì có 19 Phận Đạo và đến năm 1975 thì có 20 Phận đạo.

lãnh thổ Việt Nam vẫn tồn tại nhiều trăm Thánh Thất và Điện Thờ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, với khoảng 5 triệu tín hữu. Hiện nay, nhiều Thánh Thất và Điện Thờ cũng đang mọc lên khắp nước Việt Nam và số tín hữu cũng đang trên đà gia tăng.

II.-TAM KỲ PHỔ ĐỘ

**Tại sao gọi là Tam Kỳ Phổ Độ ?*

Cụm từ Tam Kỳ Phổ Độ có thể được hiểu theo hai ý nghĩa khác nhau.

Tam Kỳ là 3 kỳ hay là kỳ thứ ba, tùy theo trường hợp, cũng như từ ngữ Ngũ Nguyên cộ nghĩa là 5 câu nguyện hay là câu nguyện thứ năm, cũng tùy theo trường hợp.

Phổ Độ là cứu giúp chúng sanh.

**Nghĩa thứ nhất.-* Tam Kỳ Phổ Độ là 3 lần ĐỨC THƯỢNG ĐẾ mở Đạo để cứu giúp nhơn sanh :

Nhứt Kỳ Phổ Độ là lần phổ độ kỳ thứ nhất.

Nhị Kỳ Phổ Độ là lần phổ độ kỳ thứ nhì.

Tam Kỳ Phổ Độ là lần phổ độ kỳ thứ ba.

Nghĩa thứ nhì.-* Nghĩa thứ nhì được dùng riêng cho lần phổ độ kỳ thứ ba. Theo nghĩa thứ nhì thì Tam Kỳ Phổ Độ là lần thứ ba ĐỨC THƯỢNG ĐẾ mở Đạo để **tận độ nhơn sanh. Nền Đại Đạo được ĐỨC CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ khai mở vào thời Tam Kỳ Phổ Độ có tên là **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**, tên gọi tắt là **Đạo Cao Đài**.

Đạo Cao Đài có Sử quan giải thích tiến trình lịch sử của nhân loại trải qua 3 giai đoạn : Thượng Nguơn, Trung Nguơn và Hạ Nguơn. Cuối mỗi nguơn là một thời kỳ ĐỨC CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ cho truyền Đạo xuống thế gian để phổ độ nhơn sanh.

- Nhứt Kỳ Phổ Độ : vào cuối đời Thượng Nguơn, bắt đầu cách nay khoảng 4.300 năm,

- Nhị Kỳ Phổ Độ : vào cuối đời Trung Nguơn, bắt đầu cách nay khoảng 2.500 năm,

- Tam Kỳ Phổ Độ : vào cuối đời Hạ Nguơn, bắt đầu cách nay khoảng 80 năm.

Theo giáo lý Cao Đài, nhơn loại hiện đang ở vào cuối đời Hạ Nguơn Tam Chuyển, sắp bước qua Thượng Nguơn Tứ Chuyển.

1.- Nhứt Kỳ Phổ Độ

Thượng Nguơn là Nguơn Tạo Hóa, là nguơn Thánh Đức tức là nguơn vô tội. Vào thời Thượng Nguơn, nhơn loại còn giữ được bốn tánh thiện lương của THƯỢNG ĐẾ ban cho, nên còn giữ được nếp sống thuần lương chất phác. Dân chúng sống trong an lạc ấm no, nhà ở không cần đóng cửa, cửa rơi ngoài đường không ai lượm. Sống tòng Thiên lý, dân chúng hòa hiệp với nhau, tương thân tương ái. Do đó mà Thượng Nguơn thường được gọi là **Nguơn Thánh Đức**.

Theo Thánh Giáo Cao Đài thì trong thời Thượng Nguơn, sau khi có loài người, Ông Trên có cho giáng trần 100 ức Nguyên nhơn. Nguyên nhơn là những người mà linh hồn được ĐỨC CHÍ TÔN ban cho từ lúc Khai Thiên, tức là lúc mới tạo dựng Trời Đất, những linh hồn này rất trong sạch vì chưa nhuộm bụi trần. Trong bài giải thích về Thuyền Bát Nhã, Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa có nói về 100 ức Nguyên nhơn đầu kiếp xuống trần như sau : "*Đức ĐIỀU TRÌ KIM MẪU vâng lệnh Đức THƯỢNG ĐẾ nhóm ngự triều, đại hội nơi Kim Bàn, phòng định cho 100 ức Nguyên nhơn xuống trần, dùng Ngọc Lô Kim Bàn trụ các Nguyên nhơn cho xuống thế*".

Mặt khác, bên kia có Đại Tiên Cù Tán Đỡm hay là Kim Quang Sứ (Bên Thiên Chúa Giáo gọi là Satan hay Lucifer), thấy Đức PHẬT MẪU cho chơn linh xuống trần thì ông cũng xuống trần, dẫn theo các chơn linh quỷ vị để mở ra những cuộc khảo đảo.

Đến cuối Thượng Ngươn, con người lần lần bị ô nhiễm trước trần phải lu lờ Thánh Đức, bỏ Thiên lý mà sa vào Nhơn dục. Một phần không ít các Nguyên nhơn cũng vì bị quyến rũ bởi mùi đời mà quên đi cội nguồn. Mặt khác, nhơn loại cần được giáo hóa để kịp đà tiến bộ, vì vậy mà THƯỢNG ĐẾ mới khai Tam Giáo để phổ độ chúng sanh bỏ dữ về lành, tức là Nhứt Kỳ Phổ Độ.

Trong Nhứt Kỳ Phổ Độ có các Đấng sau đây giảng trần để lập Đạo :

- Đức *Nhiên Đấng Cổ Phật* làm giáo chủ Phật Giáo,
- Đức *Thái Thượng Đạo Tổ* làm giáo chủ Tiên Giáo,
- Đức *Văn Tuyên Đế Quân* làm giáo chủ Nho Giáo.

2.- Nhị Kỳ Phổ Độ

Trong Quyển Thiên Đạo, Ngài *Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu* có giảng về Nhị Kỳ Phổ Độ như sau :

“ *Được tạo hóa, nhơn loại tất phải tấn hóa. Tấn hóa phải tranh đấu. Tranh đấu phải tự diệt. Đó là thời kỳ Trung Ngươn, tức là Ngươn Tấn Hoá, Ngươn Tranh Đấu, ngươn Tự Diệt. Cho nên THƯỢNG ĐẾ thiết Nhị Kỳ Phổ Độ* ”.

Trong thời Trung Ngươn, các quốc gia bắt đầu hình thành, có biên giới tiếp giáp nhau mà sự phân ranh chủ yếu là bằng sức mạnh binh lực hơn là tập quán, dân tộc. Chính trong

mỗi nước, việc soán ngôi đổi chủ cũng thường xảy ra : Xã hội loạn lạc, dân tình đói khổ muôn phần. Mặt khác, các tôn giáo mở ra vào thời Nhứt Kỳ Phổ Độ đã lần lần thất chơn truyền, điều này dễ xảy ra vì trong thời Nhứt Kỳ Phổ Độ chưa có văn tự rõ ràng. Vả lại trình độ tiến hóa của nhơn loại đã khá cao, lại xu hướng vào đường tranh đấu giành giựt lợi quyền, xa đường đạo đức, nên Đấng THƯỢNG ĐẾ một lần nữa mở lòng từ bi, cho các Đấng Tiên Phật giáng trần chấn hưng các mối đạo đã được mở ra trong Nhứt Kỳ Phổ Độ, để thích hợp với đà tiến hóa của nhơn sanh, hầu đủ sức kèm giữ nhơn tánh của nhơn sanh, đem nhơn sanh về con đường đạo đức.

- **Đức Phật Thích Ca** giáng sanh tại Ấn Độ vào năm 563 trước Tây Lịch. Ngài là Thái tử, Ngài rời bỏ ngai vàng vào năm 29 tuổi tìm phương tu giải thoát tứ khổ. Qua 6 năm nhiều gian truân kham khổ và sau 49 ngày đêm thiền định, Ngài ngộ đạo đắc vị Phật dưới cội bồ đề. Nêu một tấm gương sáng chói về sự bình đẳng, lòng từ bi bác ái bao la,... Đức Phật Thích Ca *chấn hưng Phật Giáo* có từ thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, mở ra **Thích Giáo** với một giáo lý rất phong phú và thiết thực để giải khổ nhơn sanh.

- **Đức Lão Tử**, Chơn Linh của *Đức Thái Thượng Đạo Quân*, giáng sanh tại Trung Quốc vào năm 604 (?) trước Tây Lịch. Để lại cho đời bộ *Đạo Đức Kinh* cao diệu trước khi rời khỏi ải Hàm Cốc, cỡi trâu vào sa mạc Tây Vực mệnh mông, Đức Lão Tử mở ra **Đạo Giáo** tức **Lão Giáo** để *chấn hưng Tiên Giáo* có từ thời Nhứt Kỳ Phổ Độ.

- **Đức Khổng Tử** giáng sanh tại Trung Quốc vào năm 551 trước Tây Lịch, trong cảnh quốc gia loạn lạc. Từ năm 34 tuổi đến năm 55 tuổi, Ngài chu du qua nhiều nơi, vừa dạy học trò, vừa rao giảng thuyết *Trung Dung*. Có công viết và san

định nhiều kinh sách mà giá trị còn lưu mãi đến nay, Đức Khổng Tử mở ra **Khổng Giáo** để *chấn hưng Nho Giáo* có từ thời Nhứt Kỳ Phổ Độ.

Đức Chúa Jésus Christ giáng sanh ở nước Do Thái vào năm thứ Nhứt Tây Lịch (sau Đức Thích Ca, Đức Lão Tử và Đức Khổng Tử khoảng hơn 550 năm). Đến năm 30 tuổi, nhờ sự mặc khải của Đức CHÚA TRỜI, Đức Chúa Jésus ẩn tu 40 ngày đêm để cầu nguyện, tiếp nhận Thiên Ân và chịu nhiều thử thách của Quỷ Satan. Sau cùng Quỷ Satan đành khuất phục trước sự cao cả của Ngài. Ngài đã mở ra **Thiên Chúa Giáo** để *chấn hưng Do Thái Giáo*.

Các tôn giáo này, sau khi các vị Giáo Chủ qui Thiên, giao nền Đạo cho người phạm điều độ, lần lần sửa cải chơn truyền, trải qua hơn 2000 năm, các mối đạo đều bị qui phạm, chánh pháp đã nhiều phần bị sai lạc.

3.- Tam Kỳ Phổ Độ

Gần cuối Hạ Nguơn, tiến bộ văn minh vật chất đạt đến mức cao điểm, đồng thời các giá trị tinh thần bị xem nhẹ. Trình độ tiến hóa về trí thức của nhơn sanh cũng rất cao. Giáo lý của các nền tôn giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ không còn đủ sức kèm chế tâm lý của nhơn sanh trong thời cuối Hạ Nguơn nữa.

Mặt khác, trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, các Đấng giáng trần lập nhiều tôn giáo khác nhau ở những địa phương khác nhau, vì lúc đó phương tiện giao thông và truyền thông chưa được tiến bộ. Cũng do có nhiều tôn giáo mà lắm khi có sự hiểu lầm giữa những người theo tôn giáo này và những người theo tôn giáo kia. Người đời còn quá mê lầm, nên mới có người ở tôn giáo này thường bài xích tôn giáo khác, và tự

cho tôn giáo mình là chánh, tôn giáo kia là tà, gây nên nhiều hiềm khích chia rẽ, để rồi đưa đến nhiều cuộc chiến tranh tàn khốc đau thương. Hiện nay vẫn còn đang diễn ra trên thế giới những cuộc chiến tranh về tôn giáo. Cũng vì lý do này mà ngày nay THƯỢNG ĐẾ cho mở một mối đạo duy nhứt gồm những tinh túy của các tôn giáo lớn trên thế giới, đó là **Đạo Cao Đài**.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển I, trang 16, in năm 1972, Đức CHỈ TÔN có dạy :

“ *Vốn từ trước THẦY lập ra Ngũ chi Đại Đạo là :*

*Nhơn Đạo,
Thần Đạo,
Thánh Đạo,
Tiên Đạo,
Phật Đạo.*

Tùy theo phong hóa của nhân loại mà gây Chánh giáo, là vì khi trước Càn vô đức khán, Khôn vô đức duyệt, thì nhơn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi.

Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức, thì lại bị phần nhiều đạo ấy mà nhơn loại nghịch lẫn nhau ; nên THẦY mới nhứt định qui nguyên phục nhứt. Lại nữa trước THẦY giao Chánh Giáo cho tay phạm, càng ngày lại càng xa Thánh Giáo mà làm ra Phạm Giáo. THẦY lấy làm đau đớn, hằng thấy gần trót mười ngàn năm, nhân loại phải sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chốn A-Tỳ.

THẦY nhứt định đến chính mình THẦY độ rồi các con, chẳng chịu giao Chánh Giáo cho tay phạm nữa”.

CHÚ THÍCH : *Càn vô đức khán* : Không thể thấy hết được Trời.

Khôn vô đức duyệt : Không xem xét hết được mặt đất.

Càn Khôn dĩ tận thức : Con người đã biết rõ tất cả sự vật trong khắp Càn Khôn Vũ Trụ.

Mặc dầu đến năm 1926 Đức CHÍ TÔN mới cho mở Đạo Cao Đài, nhưng trước đó khoảng 60 năm, các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật thấy như sinh quá chìm đắm trong bể khổ làm cho Đức CHÍ TÔN phải buồn lòng, nên tình nguyện giáng trần để cứu rỗi. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức CHÍ TÔN có dạy :

- *“Nơi Bạch Ngọc Kinh hơn sáu chục năm trước, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật thấy đại nạn THẦY, nên ra tình nguyện hạ thế cứu đời”* (Quyển I, trg 42).

- *“THẦY chưa giáng cơ lập Đạo tại nước Nam, chớ chư Thần, Thánh, Tiên, Phật dùng huyền diệu nầy mà truyền Đạo cùng Vạn Quốc”* (Quyển I, trang 51).

Trong các kỳ Khai Đạo ở hai lần trước, Đức CHÍ TÔN chiết Chơn Linh giáng trần để mở Đạo, như bài Thánh Giáo tại Vĩnh Nguyên Tự ngày 7-4-1926 đã cho biết :

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT
CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

*Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã,
Thích Ca Mâu Ni thị Ngã,
Thái Thượng Nguơn Thử thị ngã,
Kim viết Cao Đài.*

(TNHT,Q1, trg 12)

Nay trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức CHÍ TÔN chỉ dùng huyền diệu cơ bút để mở Đạo. Đức CHÍ TÔN cho các Đấng Thiêng như Chơn Linh Cao Quỳnh Tuân, Thất Nương Diêu Trì Cung, Bát Nương Diêu Trì Cung, Đức DIÊU TRÌ KIM MẪU và chính Đức CHÍ TÔN tự xưng là A, Ẫ, Ầ, ..., qua Xây Bàn và Cơ Bút, dùng văn chương thi phú hướng dẫn các Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, ... lần lần vào cửa Đạo, rồi từ đó lập ra nền Đạo.

Trước đó, vào năm 1921, Ngài Ngô Văn Chiêu đã được Đức CAO ĐÀI đầu nhận làm người Đệ Tử đầu tiên, khi Ngài làm Chủ Quận Phú Quốc.

- Đêm 23-8 Bính Dần (29-9-1926), 247 bốn đạo tề tựu tại nhà ông Nguyễn Văn Tường, hẻm số 237 đường Gallieni, Saigon (nay là đường Trần Hưng Đạo) để lập Tịch Đạo.

- Ngày 1-9 Bính Dần (7-10-1926), Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhứt tuân lệnh Đức CHÍ TÔN, đến dinh Thống Đốc Nam Kỳ nạp tờ Khai Đạo với 28 chữ ký cho ông Le Fol và được ông tiếp nhận.

- Ngày Rằm tháng Mười Bính Dần (19-11-1926) : Lễ Khai Đạo được tổ chức tại Thánh Thất tạm đặt tại chùa Gò Kén (Tủ Lâm Tự), tỉnh Tây Ninh.

Trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ Đức CHÍ TÔN đã mở hai lần Ân Xá, riêng trong Tam Kỳ Phổ Độ nầy Đức CHÍ TÔN mở ĐẠI AN XÁ cứu vớt chúng sanh trong vòng Thất ức niên tức 700.000 năm.

Trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức CHÍ TÔN cho mở và chấn hưng 3 tôn giáo là Phật Giáo, Tiên Giáo và Nho Giáo với ba vị Giáo Chủ khác nhau, nhưng trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức CHÍ TÔN chỉ cho mở có một Đạo duy nhứt, lấy tên là Đạo Cao Đài, gồm giáo lý của 3 tôn giáo trên kết hợp với giáo lý của Thiên Chúa Giáo, do Chính Đức CHÍ TÔN làm Giáo Chủ.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thường gọi là Đạo Cao Đài được Đức CHÍ TÔN giao quyền chưởng quản về phần vô vi cho 3 Đấng Thiêng Liêng, gọi là Tam Trấn Oai Nghiêm, thay mặt cho 3 vị Giáo Chủ của Tam Giáo :

- Nhứt Trấn Oai Nghiêm : Đức Lý Đại Tiên Trưởng, thay mặt Đức Lão Tử, cầm quyền Tiên Giáo,

- **Nhị Trấn Oai Nghiêm** : Đức Quan Âm Như Lai, thay mặt Đức Phật Thích ca, cầm quyền Phật Giáo,

- **Tam Trấn Oai Nghiêm** : Đức Quan Thánh Đế Quân, thay mặt Đức Khổng Tử, cầm quyền Nho Giáo.

Về phần hữu vi, Đạo Cao Đài được chưởng quản bởi HỘI THÁNH gồm quý vị Chức Sắc Thiên Phong và Đại Thiên Phong do Đức CHÍ TÔN hoặc Đức Lý Đại Tiên Trưởng thay mặt Đức CHÍ TÔN giáng cơ ban phẩm.

TÓM LẠI :

Trong Pháp Chánh Truyền Chú Giải có nói về ba Ngươn như sau :

- **Thượng Ngươn** là ngươn Tạo Hóa, ấy là ngươn Thánh Đức tức là ngươn vô tội.

- **Trung Ngươn** là Ngươn Tấn Hóa, ấy là ngươn Tranh Đấu tức là ngươn tự diệt.

- **Hạ Ngươn** là ngươn Bảo Tồn, ấy là ngươn Tái Tạo tức là ngươn qui cố.

*Trong Nhứt Kỳ Phổ Độ :

- Đức Nhiên Đăng Cổ Phật làm giáo chủ Phật Giáo,
- Đức Thái Thượng Đạo Tổ làm giáo chủ Tiên Giáo,
- Đức Văn Tuyên Đế Quân làm giáo chủ Nho Giáo.

*Trong Nhị Kỳ Phổ Độ :

- Đức Phật Thích Ca chấn hưng Phật Giáo,
- Đức Lão Tử chấn hưng Tiên Giáo,
- Đức Khổng Tử chấn hưng Nho Giáo.

*Trong Tam Kỳ Phổ Độ :

- Đức Lý Đại Tiên Trưởng cầm quyền Tiên Giáo,
- Đức Phật Bà Quan Âm cầm quyền Phật Giáo,
- Đức Quan Thánh Đế Quân cầm quyền Nho Giáo.

MỘT TRĂM ỨC NGUYÊN NHƠN

Nguyên nhơn là những người mà Linh hồn được Đức CHÍ TÔN ban cho từ lúc Khai Thiên, tức là lúc mới tạo dựng Trời Đất. Những Linh hồn này rất trong sạch vì chưa nhiễm bụi trần.

Hóa nhơn là những người mà Linh hồn do sự tiến hóa từ thú cầm đi lên.

Quỉ nhơn là những Hóa nhơn phạm tội nặng, Linh hồn đã bị đọa vào quỷ vị, nay đầu kiếp lên làm người.

Theo Thánh Giáo Cao Đài thì Đức PHẬT MẪU vâng lệnh Đức CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ cho giáng trần 100 ức Nguyên nhơn. Có một số không ít Nguyên nhơn vì bị quyến rũ bởi mùi trần nên quên đi nguồn cội. Đức CHÍ TÔN mới cho các Đấng giáng trần lập đạo để cứu rỗi.

- **Trong Nhứt Kỳ Phổ Độ**, Đức CHÍ TÔN dạy khai Long Hoa Đại Hội Nhứt Kỳ, Đức Nhiên Đăng làm chủ Hội, điểm đạo có 6 ức Nguyên nhơn, đoạt pháp phần nhiều là môn đồ trong Phật Giáo đắc đạo.

- **Trong Nhị Kỳ Phổ Độ**, Đức CHÍ TÔN dạy khai Long Hoa Đại Hội Nhị Kỳ, Đức Di-Đà làm chủ Hội, điểm đạo chỉ được có 2 ức Nguyên nhơn, đoạt pháp phần nhiều là môn đồ trong Tiên Giáo đắc đạo.

- **Trong Tam Kỳ Phổ Độ**, Đức CHÍ TÔN muốn tận độ hết 92 ức Nguyên nhơn còn lại. "Đức CHÍ TÔN giao cho Đức PHẬT MẪU cơ quan siêu thoát ấy, phải làm thế nào đặng tận độ 92 ức Nguyên nhơn trở về cựu vị" (Lời Thuyết đạo của Đức Hộ Pháp trong Lễ Hội Yến DTC ngày 15-8-TânMão tức 15-9-1951). Trong thời kỳ Đại Ân Xá này của Đức CHÍ TÔN,

thì cho dù Nguyên nhơn, Hóa nhơn hay Quỷ nhơn, nếu biết lo tu hành, lập công bồi đức thì nhất định sẽ được đắc quả.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (quyển II, trang 189, in năm 1972), Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ có dạy : “*Bản Đạo khi đắc lệnh làm Chương Đạo lập Hội Thánh giáo đạo tha phương thì từng lòng bác ái của CHÍ TÔN, mở rộng thế cho Nhơn sanh dân công đối vị. Bản Đạo chẳng kể là Nguyên nhơn, Hóa nhơn hay là Quỷ nhơn, vì biết lập công thì thành Đạo*”. Nếu biết lo tu hành thì cả Quỷ nhơn và Hóa nhơn cũng đều có thể đắc quả.

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, do cơ bút mà biết được số Nguyên nhơn đắc đạo trong hai kỳ trước. Những Nguyên nhơn đắc đạo tình nguyện nơi Ngọc Hư Cung giảng trần, chịu mạng lệnh của Đức Di Lạc Vương Phật lo cứu rỗi 92 ức Nguyên nhơn còn say đắm nơi cõi trần. Đây là thời kỳ phổ độ chót, nên Đức CHÍ TÔN đại Ân Xá cho toàn cả nhơn sanh, nếu ai biết ngộ kiếp một đời tu thì đủ trở về cùng Đức CHÍ TÔN và Đức PHẬT MẪU. Còn nếu ai không chịu tu để trở về nguồn cội thì không còn kêu nài vào đâu nữa.

Trong bài Kinh Thích Giáo, có đoạn nói về 92 ức Nguyên nhơn như sau :

*Đạo pháp trường lưu,
Khai Cứu thập nhị Tào chi mê muội.*

Câu thứ nhì có nghĩa là Đức Nhiên Đăng Cổ Phật khai hóa 92 ức Nguyên nhơn đang còn mê muội nơi cõi trần.

Trong Luật Tam Thế, Bát Nương Diêu Trì Cung có dạy rằng : Hóa nhơn phạm tội nặng thì bị đọa vào Quỷ vị, còn Nguyên nhơn phạm Thiên Điều thì bị đọa Tam Đồ Bất Năng Thoát Tục. “ *Kiếp Hóa nhơn thì về quỷ vị, kiếp Nguyên nhơn*

thì phải bị đọa đày như vậy mới sánh với quỷ vị được chớ. là Luật Thiên Điều đã định, dầu cho Nguyên nhơn hay Hóa nhơn cũng đồng hình phạt, lẽ công bình là đó ”.

GHI CHÚ

*Theo Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh, thì từ *ức* có hai nghĩa : mười vạn là một *ức*, một vạn vạn cũng là một *ức*. Như vậy :

1 *ức* = 100 000 (mười vạn)

Cũng có thể là : 1 *ức* = 100 000 000 (một vạn vạn)

---- o ----

THIÊN BÀN

Người tín hữu Cao Đài tôn kính tất cả các Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần, và các Giáo chủ của tất cả các tôn giáo khác. Đạo Cao Đài chủ trương “*Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt*”.

Tam Giáo là : *Nho Giáo, Thích Giáo, Lão Giáo*, tức : đạo Nho, đạo Phật và đạo Tiên.

Ngũ Chi là : *Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo, và Nhơn Đạo*.

1.- THIÊN BÀN NƠI TƯ GIA

Người tín đồ Cao Đài, khi đã nhập môn cầu đạo rồi thì phải chọn một nơi cao ráo tinh khiết nhất trong nhà của mình, tốt hơn hết là giữa nhà, để lập Thiên Bàn thờ Đức CHÍ TÔN. Nên treo màn cho khuất chỗ thờ phượng.

Trên Thánh Tượng Thiên Nhân thờ ở Thiên Bàn nơi tư gia (Tượng Ngũ Chi) của các tín đồ Cao Đài có vẽ hình Thiên Nhân và hình các Đấng, kể ra như sau :

*Bên trên khung bao là hàng chữ Nho “*Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*” đọc từ trái qua phải, có đóng dấu đỏ của Hội Thánh.

*Trong khung bao, trên hết : *Thiên Nhân* tượng trưng cho ĐỨC NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ.

*Dưới là *Nhật, Nguyệt, Tinh* : Mặt Trời và Mặt Trăng ở hai bên, Ngôi sao Bắc Đẩu ở giữa (ở dưới ngay Thiên Nhân). *Nhật, Nguyệt, Tinh* là Tam Bửu của Trời.

*Hình các Đấng ở hàng giữa từ trên xuống dưới là :

1. *Đức Phật Thích Ca* tượng trưng **Phật Đạo**,

2. *Đức Lý Đại Tiên Trưởng* tượng trưng **Tiên Đạo**,

3. *Đức Chúa Jêsus Christ* tượng trưng **Thánh Đạo**,

4. *Đức Khương Tử Nha* tượng trưng **Thần Đạo**,

5. *Hình 7 cái Ngai* tượng trưng **Nhơn Đạo**.

Như vậy, từ trên xuống dưới tượng trưng cho **Ngũ Chi Đại Đạo** là : Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo và Nhơn Đạo.

*Hình các Đấng theo hàng ngang phía trên (Nhị Kỳ Phổ Độ) :

- Bên phải của Đức Phật Thích Ca là *Đức Lão Tử*,

- Bên trái của Đức Phật Thích Ca là *Đức Khổng Tử*.

Đức Phật Thích Ca, Đức Lão Tử và Đức Khổng Tử là

Ba Đấng Giáo Chủ Tam Giáo : *Phật Giáo, Tiên Giáo, Nho Giáo*.

*Hình các Đấng theo hàng ngang bên dưới (Tam Kỳ Phổ Độ) :

- Bên phải của Đức Lý là *Đức Quan Thế Âm Bồ Tát*,

- Bên trái của Đức Lý là *Đức Quan Thánh Đế Quân*.

Ba Đấng **Tam Trấn Oai Nghiêm** thay mặt Ba Đấng Giáo Chủ, cầm quyền Tam Giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là :

- **Nhứt Trấn** : Đức Lý Thái Bạch cầm quyền *Tiên Giáo*,

- **Nhị Trấn** : Đức Quan Âm Bồ Tát cầm quyền *Phật Giáo*,

- **Tam Trấn** : Đức Quan Thánh cầm quyền *Nho Giáo*.

*Bảy cái Ngai tượng trưng cho *Nhơn Đạo* gồm có :

- 1 Ngai của Đức Giáo Tông,

- 3 Ngai của 3 vị Chưởng Pháp,

- 3 Ngai của 3 vị Đầu Sư.

2.- ĐIỆN TIỀN NƠI THÁNH THẤT

Nơi các **Thánh Thất** không thờ Tượng Ngũ Chi, mà *Điện Tiền* gồm có :

*Trên hết là **Thánh Tượng Thiên Nhân**,

*Kế đến là **Chín Long Vị** ghi tên của tất cả các Đấng trên Tượng Ngũ Chi (viết bằng chữ Nho), gồm có :

- *Tam Giáo,*
- *Tam Trấn,*
- *Ngũ Chi.*

Dưới Long vị của Đức Khương Tử Nha là Long vị của **Đức Giáo Tông ĐĐTKPĐ** tượng trưng cho Nhơn Đạo.

Riêng chỗ Đức Lão Tử, Long vị ghi là *Thái Thượng Đạo Tổ*. Đức *Thái Thượng Đạo Quân* là giáo chủ *Tiên Giáo* trong Nhứt Kỳ Phổ Độ. Đến Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Ngài chiết chơn linh giáng sanh xuống cõi trần là *Đức Lão Tử*, giáo chủ *Lão Giáo* trong Nhị Kỳ Phổ Độ. Trong bài kinh *Tiên Giáo* xưng tụng công Đức của Đức *Thái Thượng Đạo Quân* có câu : “*Nhị ngoạt thập ngũ, phân tánh giáng sanh*”.

Trong Đạo Cao Đài không có thờ Đức *Nguyệt Tâm Chơn Nhơn* (Victor Hugo), nhưng vào ngày Vía của Đức Ngài (22 tháng 5 dương lịch) thì có thiết Đàn làm lễ cúng, nghĩa là có *Cúng* mà không có *Thờ*.

Trái lại, có thờ *Đức Khương Tử Nha* nhưng không có cúng, nghĩa là không có làm Lễ Vía Đức Khương Tử Nha.

3.- BÁT QUÁI ĐÀI Ở TÒA THÁNH

Ở Tòa Thánh Tây Ninh, nơi Thờ Đức CHÍ TÔN và các Đấng được gọi là *Bát Quái Đài*.

Nơi đây Thánh Tượng Thiên nhân được thay thế bằng một *Quả Càn Khôn* sơn màu xanh da trời :

- Đường kính 3,3 mét, tức **33** tấc là “*con số biểu hiệu Tam thập tam Thiên*”.

- Trên Quả Càn Khôn có vẽ **3072** ngôi sao tượng trưng cho *Tam Thiên Thế Giới* và *Thất Thập nhị Địa*.

- Bên trong Quả Càn Khôn có **chong một ngọn đèn** luôn luôn cháy ngày lẫn đêm, đó là sự cầu nguyện rất quý báu cho cả nhơn loại trong Càn Khôn Thế Giới.

- Thiên Nhân được vẽ phía trên **Sao Bắc Đẩu**.

Đức CHÍ TÔN giáng cơ dạy Ngài Thái Bính Thanh (lúc đó còn ở phẩm Giáo Sư) : “*Bính - Thầy giao cho con lo một trái Càn Khôn ; con hiểu gì không?...Cười...Một trái như trái đất tròn quay, hiểu không? Bề kính tâm³ ba thước ba tấc, nghe con, lớn quá, mà phải vậy mới dặng, vì là cơ mầu nhiệm* Tạo Hóa trong ấy... THẦY kể... Thất thập nhị Địa và Tam thiên thế giới thì đều là Tinh tú. Tính lại ba ngàn bảy mươi hai ngôi sao. Con phải biểu vẽ lên đó cho đủ... Tại ngôi Bắc Đẩu con phải vẽ hai cái bánh lái cho đủ và sao Bắc Đẩu cho rõ ràng. Trên vì sao Bắc Đẩu vẽ con mắt THẦY*” (TNHT, Q1, trang38).

Quả Càn Khôn đã được dùng để thờ từ Lễ Khai Đạo tại Thánh Thất Gò Kén.

*Trước Quả Càn Khôn có 7 cái Ngai làm bằng gỗ tượng trưng cho Nhơn Đạo :

- Ngai trên cùng là của *Đức Giáo Tông,*
- 3 Ngai kế tiếp là của 3 vị *Chưởng Pháp,*
- 3 Ngai sau cùng là của 3 vị *Đầu Sư.*

4.- NGÔI ÂM : ĐỨC PHẬT MẪU

Trong Đạo Cao Đài, ngoài việc thờ **NGÔI DƯƠNG** là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, còn thờ **NGÔI ÂM** là Đức Diệu Trì Kim Mẫu tức Đức Phật Mẫu.

³ Tức đường kính của *Quả Cầu* tượng trưng cho *Càn Khôn Vũ Trụ*.

***Tại Địa Phương**, trong *Điện Thờ PHẬT MẪU*, trên Bàn Thờ, Long vị viết chữ nhỏ :

- Chính giữa, chữ lớn hơn : “*DIÊU TRÌ KIM MẪU*”
- Bên hữu (trong ngó ra) : “*Cửu Vị Tiên Nương*”
- Bên tả (trong ngó ra) : “*Bạch Vân Động Chư Thánh*”.

Chúng ta thấy cũng có đủ Tam Giáo là : *Phật, Tiên, Thánh*.

***Tại Trung Ương**, trong Nội Ô Tòa Thánh, *Báo Ân Từ* được tạm dùng để thờ Đức PHẬT MẪU trong khi chưa đủ khả năng xây dựng *Điện Thờ Đức PHẬT MẪU*.

Căn cứ vào sự tích vua *Hơn Võ Đế* nhờ sự giúp đỡ của ông *Đông Phương Sóc* (một vị tiên đặc đạo tại thế) mà được Đức PHẬT MẪU giáng trần ban cho cho 4 quả đào tiên, Đức Hộ Pháp dạy đắp tượng thờ Đức PHẬT MẪU như sau :

“ 1) Trên hết là chơn dung Đức PHẬT MẪU cỡi Thanh loan, tức là con chim loan màu xanh.

2) Kế đó đắp 9 pho tượng của Cửu vị Nữ Phật.

3) Đắp thêm 4 pho tượng 4 vị Nữ nhạc theo hầu Đức PHẬT MẪU.

4) Pho tượng ông Tiên Đông Phương Sóc quì bưng bằng hai tay một cái đĩa, nâng lên khỏi đầu, trên đĩa có 4 quả đào tiên do Đức PHẬT MẪU ban tặng. Ông Đông Phương Sóc quì bên hữu Đức PHẬT MẪU.

5) Pho tượng Đức Cao Thượng Phẩm quì trước sân Hoa Điện.

Trong khuôn tượng, đắp lên một cảnh chùa cổ tự, kiểu xưa gọi là *Hoa Điện*”.

Ghi Chú : Theo lời Đức Hộ Pháp thì vua *Hơn Võ Đế* và Đức Cao Thượng Phẩm có cùng một nguyên căn (cùng một tiền kiếp) là Đại Tiên *Hơn Chung Ly* trong *Bát Tiên*.

Sự việc Đạo Cao Đài thờ Hai Ngôi, Ngôi Dương và Ngôi Âm, với đầy đủ nghi tiết và kinh kệ, mỗi ngày cúng đủ 4 thời, là một hình thức vô cùng mới mẻ về phương diện Giáo lý và Triết lý mà các Tôn Giáo chưa từng có. Đó là một trong nhiều lý do để Đạo Cao Đài xứng đáng là một *Tân Tôn Giáo* và là một nền *Đại Đạo*.

- **Tòa Thánh** và các Thánh Thất dùng để thờ NGÔI DƯƠNG là *Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế*.
- **Báo Ân Từ** và các Điện Thờ dùng để thờ NGÔI ÂM là *Đức Diêu Trì Kim Mẫu tức Đức Phật Mẫu*.

--- o ---

TÍN ĐỒ CAO ĐÀI

1.- LỜI MINH THỆ

Bước đầu tiên để trở thành Tín đồ Cao Đài là phải nhập môn cầu Đạo. Đây là một nghi lễ hữu hình nhưng có giá trị tâm linh rất quan trọng. Người xin nhập môn phải quì trước Bàn Thờ Đức CHÍ TÔN (dưới sự hướng dẫn của một vị Chức Sắc hay Chức Việc) và nói lên lời minh thệ như sau :

Tôi tên là (Họ, chữ lót và tên), *tuổi* (Tuổi gì, ví dụ: Ất Tý, 18t),

“*Thề rằng : Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng đổi dạ đổi lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục*”.

Lời minh thệ trên gồm có 36 chữ có in trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, trang 15, in năm 1972. Người Tín đồ Cao Đài giữ trai kỳ 10 ngày thì khi qui vị sẽ được hưởng trọn vẹn *Kinh Tận Độ* và được làm *Phép Xác* để tẩy trừ Chơn thần, phép *Đoạn Căn* cắt đứt 7 Dây Oan Nghiệt để cho Chơn thần lìa khỏi thể xác và phép *Độ Thăng* để đưa Chơn thần lên cõi Thiêng Liêng mà hưởng nhiều ân huệ.

**Tín đồ được đôi phẩm với Địa Thần (Theo PCT/CG) nếu giữ đúng luật Đạo.*

GHI NHỚ : Con số 36 là bội số của 12, số 12 là số riêng của Đức CHÍ TÔN. Bước vào của Đạo, người Tín đồ Cao Đài đọc lời minh thệ với 36 chữ. Khi đã lập đủ công đức, công viên quả mãn, Linh hồn được lên 36 tầng Trời để đến bái lễ Đức CHÍ TÔN. Trong bài Kinh Khi Đã Chết Rồi có ghi:

*Ba mươi sáu cõi Thiên Tào,
Nhập trong Bát Quái mới vào Ngọc Hư.*

... ..

*Tiên phong Phật cốt mỹ miều,
Vào Kinh Bạch Ngọc lễ triều CHÍ LINH.*

CHÚ THÍCH :

@ **Bát Quái** tức *Bát Quái Đài* là tòa nhà cao lớn nơi cõi Thiêng Liêng, có 8 cạnh đều nhau, trong đó có Ngọc Hư, Cung, Linh Tiêu Điện, Tòa Tam Giáo thiêng liêng,...

*Cửa lầu **Bát Quái** chun ngang,*

Hỏa Tinh Tam Muội thiêu tàn oan gia.

@ **Ngọc Hư** tức *Ngọc Hư Cung*, ở tầng Trời Hư Vô Thiên, trong Bát Quái Đài, là nơi các Đấng Thiêng Liêng lập Thiên Triều cầm quyền cai trị toàn cả Càn Khôn Vũ Trụ.

@ **Bạch Ngọc Kinh** là tòa nhà to lớn làm bằng ngọc trắng, ở tại trung tâm của Càn Khôn Vũ Trụ, là nơi thường ngự của Đức CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ. Trong bài Kinh Nhập Hội có ghi :

*Trên **Bạch Ngọc** CHÍ TÔN cao ngự*

Giữa Tây Phương nắm giữ Thiên Điều

*Dưới **Ngọc Hư**, kể bao nhiêu*

Thiêng Liêng các Đấng lập triều trị dân.

2..- HAI BỤC TÍN ĐỒ

Theo điều thứ 12, chương II của Tân Luật Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, người nhập môn vào Đạo rồi thì được gọi là Tín đồ. Trong hàng Tín đồ có hai bực :

- **Hạ Thừa.**- *Hạ thừa là bực còn ở thế*, có vợ chồng làm ăn như người thường , song buộc phải giữ trai kỳ hoặc 6

hoặc 10 ngày, phải giữ Ngũ giới cấm và phải tuân theo Thế luật của Đạo truyền ra. (Nếu giữ được trai kỳ từ 10 ngày trở lên thì được “*Thọ truyền Bửu pháp*”).

- **Thượng Thừa.**- *Thượng thừa là bực đã giữ trường trai, giải sát và Tứ đại Điều qui.*

3.- NGŨ GIỚI CẤM & TỨ ĐẠI ĐIỀU QUI

***Ngũ Giới Cấm.**- Tân Luật của Đạo Cao Đài, chương IV, điều thứ 21 về Ngũ giới cấm có thể *tóm lược* như sau :

1. *Nhứt bất sát sanh*, là chẳng sát hại sinh vật.
2. *Nhi bất du dao*, là cấm trộm cướp, làm hại cho người mà lợi cho mình.
3. *Tam bất tà dâm*, là cấm lấy vợ người, thấy sắc dậy lòng tà (Vợ chồng không gọi là tà dâm).
4. *Tứ bất tửu nhục*, là cấm say mê rượu thịt làm rối loạn tâm thần.
5. *Ngũ bất vong ngữ*, là cấm xảo trá láo xược, khoe mình bày lỗi người, chuyện phải thêu dệt ra quấy, xúi giục người hờn giận lẫn nhau.

***Tứ Đại Điều Qui.**- Tân Luật của Đạo Cao Đài, chương V, điều thứ 22 dạy về Tứ Đại Điều Qui như sau :

1. *Phải tuân lời dạy của bề trên*, chẳng hổ chịu cho bực thấp hơn điều độ. Lấy lễ hòa người. Lỡ làm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.
2. *Chớ khoe tài, đừng cao ngạo*, quên mình mà làm nên cho người. Giúp người nên Đạo. Đừng nhớ cừu riêng. Chớ che lấp người hiền.
3. *Bạc tiền xuất nhập phân minh*, đừng mượn vay không trả. Đối với trên, dưới đừng lờn dễ, trên dạy dưới lấy

lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.

4. *Trước mặt sau lưng cũng đồng một bực*, đừng kính trước rồi khi sau. Đừng thấy đồng đạo tranh đua ngời xem không để lời hòa giải. Đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung. Pháp luật phải tuân, đừng lấy ý riêng mà trái trên dễ dưới. Đừng cậy quyền mà yếm tài người.

4.- PHẢI ĐI THÁNH THẤT MỖI THÁNG 2 LẦN

Các tôn giáo thường xem trọng sự lễ bái ; nhứt là đối với Đạo Cao Đài, sự lễ bái cúng kiếng được xem là quan trọng hàng đầu. *Thất Nương Diêu Trì Cung* có dạy : “*Lễ bái thường hành tâm đạo khởi*” (Thài Hội Yến Diêu Trì Cung).

Tân Luật, điều thứ 19 qui định rằng : “*Một tháng hai ngày Sóc, Vọng bốn đạo phải tựu lại Thánh Thất sở tại mà làm lễ và nghe dạy. Trừ ra ai có việc được chế*”.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển II, trang 193, bản in năm 1972, Đức Quan Âm Bồ Tát có nói với quý vị Chức sắc Tiên khai như sau :

- “*Chào các em. Các em phải lo cúng kiếng thường.*
- *Một là lập cho Chơn Thần được gần gũi các Đấng Thiêng Liêng đặng sáng lạn*⁴.
- *Hai là cầu khẩn với Đức ĐẠI TỬ BI tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.*
- *Ba là có tế lễ thì tâm phải cảm, cảm rồi phải ứng, ứng là lễ tự nhiên.*
- *Bốn là tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà nhứt là khiếu lương tri lương năng của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mãn huệ*”.

⁴ Cũng thường được viết là : *xán lạn*.

Bát Nương Điều Trì Cung cũng có dạy là “những vị nào trong lúc ngày xuân biết lo phụng sự Thần, Thánh, Tiên, Phật thì công đức đặng xấp bằng hai lần ngày thường” (TNHT, quyển II, trang 122 - 1972).

*TÂN LUẬT

Thế Luật, điều 14 : Trong bốn đạo xây có người mãn phần, qui vị thì chư tín đồ trong họ phải chung cùng đến giúp và chia buồn với tang chủ.

Thế Luật, điều 18 : Việc cầu siêu cho vong linh trong Tuần Cửu Cửu, và đến lúc Tiểu, Đại Tường, thì do nơi Thánh Thất sở tại mà cầu Lễ. Bốn Đạo trong Họ, nếu có mời, phải đến mà cầu nguyện.

--- o ---

CÚNG BÀI TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

1.- CÚNG HẰNG NGÀY

Kinh nhật tụng trong Đạo Cao Đài được gọi là *Kinh Tứ Thời*, vì mỗi ngày cúng bốn thời, vào các thời : *Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu*, tức 12 giờ khuya, 12 giờ trưa, 6 giờ sáng, và 6 giờ chiều. Mỗi thời cúng, đọc các bài kinh sau đây :

- *Niệm Hương,*
- *Khai Kinh,*
- *Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế,*
- *Kinh Thích Giáo,*
- *Kinh Tiên Giáo,*
- *Kinh Nho Giáo,*
- *Dâng Rượu* (thời 12 giờ), hoặc *Dâng Trà* (thời 6 giờ),
- Cuối cùng là *Ngũ Nguyện*

Ở Đền Thánh và các Thánh Thất, trong những ngày Sóc, Vọng (mùng một và rằm), và những ngày Lễ Vía, sau bài kinh Nho Giáo thì thài đủ ba bài Dâng Tam Bửu :

- Dâng *Hoa* tượng trưng cho dâng TINH tức *Mảnh hình hài,*
- Dâng *Rượu* tượng trưng cho dâng KHÍ tức *Chơn thần,*
- Dâng *Trà* tượng trưng cho dâng THẦN tức *Linh hồn.*

a.- Dứt bài Dâng Hoa, đưa tay lên trán cúi đầu cầu nguyện Đức CHÍ TÔN : “*Con xin dâng Mạnh hình hài của con cho CHÍ TÔN dùng phương nào thì dùng*”.

b.- Dứt bài Dâng Rượu, đưa tay lên trán cúi đầu cầu nguyện Đức CHÍ TÔN: “Con xin dâng cả Trí thức Tinh thần của con cho CHÍ TÔN dùng phương nào thì dùng”.

c.- Dứt bài Dâng Trà, đưa tay lên trán cúi đầu cầu nguyện Đức CHÍ TÔN : “Con xin dâng cả Linh hồn của con cho CHÍ TÔN dùng phương nào thì dùng”.

Xong, niệm tiếp : “Cả *Linh hồn*, cả *Trí não*, cả *Hình hài* của con, *THẦY* đào tạo, đó là của *THẦY* thì do nơi quyền hành *độc đoán* của *THẦY* định” (Đó là lời dạy của Đức Hộ Pháp khi thuyết đạo : quyển Bí Pháp, trang 89-90). Trí não (hay Trí thức và Tinh Thần) tượng trưng cho *Chơn thân*.

Vào mỗi chiều 14 và 30 (hoặc 29) âm lịch, sau thời cúng *Dậu Thời*, nơi các Thánh Thất và Điện Thờ PHẬT MẪU đều có tụng *Kinh Di Lạc*, *Kinh Cứu Khổ*, và *Kinh Sám Hối*, ngày thường ai muốn tụng càng tốt.

Nơi Tòa Thánh, sau mỗi thời cúng *Dậu Thời* tại ĐỀN THÁNH và Đền Thờ PHẬT MẪU ở Báo Ân Từ đều có tụng *Kinh Di Lạc* và *Kinh Cứu Khổ* để cầu nguyện cho Nhơn sanh bớt khổ, đồng thời siêu độ cho chư vong linh còn ẩn náo nơi cõi trần. Nên biết rằng *Di Lạc Chơn Kinh*, do Đức Phật Thích Ca giảng cơ ban cho, là một phần quan trọng của *Kinh Tận Độ* trong Đạo Cao Đài.

Ngoài ra, trong những nghi lễ khác thì đều có kinh thích hợp như : *Kinh Tắm Thánh*, *Kinh Giải Oan*, *Kinh Hôn Phối*, *Kinh Tang Lễ*, *Kinh Tuần Cửu* (bên Phật Giáo là *Tuần Thất*),... nhưng tất cả đều viết bằng tiếng Việt và đa số được viết theo lối văn vần, thường là thể *thơ song thất lục bát*.

2.- ĐẠI ĐÀN VÀ TIỂU ĐÀN

Đại Đàn là một cuộc cúng tế lớn, long trọng với đầy đủ nghi tiết. Do đó, *Đại Đàn* còn được gọi là *Đại Lễ*.

Tiểu Đàn là một cuộc lễ nhỏ hơn, với nghi tiết đơn giản hơn *Đại Đàn*, thời gian ngắn hơn, ít long trọng hơn.

Các tôn giáo thường xem trọng sự lễ bái ; như là đối với Đạo Cao Đài, sự lễ bái cúng kiếng được xem là quan trọng hàng đầu. *Thất Nương Diêu Trì Cung* có dạy : “ *Lễ bái thường hành tâm đạo khởi* ” (trong bài *Thài Hội Yến Diêu Trì Cung*). Mỗi kỳ lễ lớn cúng *Đại Đàn* tại Đền Thánh và các Thánh Thất kéo dài trên 2 giờ, cúng *Tiểu Đàn* kéo dài khoảng 1 giờ 30 phút. Ngày thường, mỗi ngày cúng tứ thời kéo dài khoảng 30 phút.

A.- Thiết lễ Đại Đàn vào những ngày sau đây (tính theo âm lịch) :

***Đại Lễ ĐỨC CHÍ TÔN** : Mừng 9 tháng Giêng.

***Ba Ngày Rằm Tam Nguơn** :

- *Lễ Thượng Nguơn* : 15 tháng Giêng

- *Lễ Trung Nguơn* : 15 tháng Bảy

- *Lễ Hạ Nguơn* : 15 tháng 10 (Kỷ niệm ngày Khai Đạo).

***Đại Lễ HỘI YẾN DIÊU TRÌ CUNG** : Rằm tháng 8

(cúng *Đại Đàn Đức PHẬT MẪU*, nhưng *Tiểu Đàn Đức CHÍ TÔN*).

***Vía 3 Vị Giáo Chủ của Tam Giáo và Đức Chúa Jêsus** :

- *Vía Đức Phật Thích Ca* : 8-4

- *Vía Đức Thái Thượng Lão Quân* : 15-2

- *Vía Đức Khổng Thánh Tiên Sư* : 27-8

- *Vía Đức Gia Tô Giáo Chủ* : 25-12 (Dương lịch).

***Vía Tam Trấn và Đức Phạm Hộ Pháp** :

- *Vía Đức Lý Đại Tiên Trưởng* : 18-8
- *Vía Đức Phật Bà Quan Âm* : 19-2
- *Vía Đức Quan Thánh Đế Quân* : 24-6
- *Lễ Mừng Ngày Giáng Sinh Của Đức Phạm Hộ Pháp* 05-5

(Lễ Mừng Ngày Giáng Sinh của Đức Phạm Hộ Pháp mới được thêm vào Lịch Các Ngày Lễ Cúng Hằng Năm lúc sau này, do Thánh Linh số 24 TL/TL.HTĐ. ngày 22-4 Ất Dậu tức 01-6-1975 của Ngài Hiến Pháp Chương Quán Hiệp Thiên Đài).

B.- Thiết lễ Tiểu Đàn vào những ngày sau đây :

- Ngày Mừng Một và ngày Rằm (cúng Sóc, Vọng)
- Lễ Đưa Chư Thánh : 24-12 (âm lịch)
- Lễ Rước Chư Thánh : Đêm Giao thừa âm lịch
- Vía Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn : 22-5 (dương lịch)
- Kỷ Niệm các Chức Sắc Đại Thiên Phong Tiên Khai như : Đức Quyền Giáo Tông, Đức Cao Thượng Phẩm,... (tính theo ngày Qui Thiên).

GHI CHÚ : Lễ Kỷ niệm chư Chức Sắc Đại Thiên Phong Tiên Khai thì tính theo ngày Qui Thiên, còn Lễ Vía chư Đấng Thiêng Liêng thì thường được tính theo ngày Giáng Sinh xuống cõi trần.

C.- Nhạc Tấu Huân Thiên

Trước khi cúng Đại Đàn hay Tiểu Đàn tại Tòa Thánh hay Thánh Thất và Điện Thờ, sau hồi trống chuông thì tới phần Nhạc tấu Huân Thiên. Tất cả mọi người trong đàn cúng phải đứng nghiêm trang, yên lặng, mặc niệm Đức CHÍ TÔN và Đức PHẬT MẪU cùng các Đấng Thiêng Liêng.

Đức Hộ Pháp thuyết đạo có dạy :

“Nên chi, từ đây, khi Nhạc tấu Huân Thiên, chúng ta xem quý hơn dâng Tam Bửu, dầu phải lỡ đi nửa chừng trong Đền thờ, nghe đến đó phải dừng lại, cấm không được đi lộn xộn, thì lễ ấy giảm điều kính trọng dâng cho CHÍ TÔN mà không nên ... Nơi Ngọc Hư Cung có đôi liễn :

- *Bát hồn tư mặc ca HUỖNH LÃO,*

- *Vạn vật đồng tình niệm CHÍ TÔN”.*

“...Khi Nhạc thổi, cả thầy phải im lặng, hiến cả âm thanh, sự bí mật ấy gọi là Phi Tướng Lễ, chủ ý là trình tấu với Đức CHÍ TÔN rằng : Các con biết được mẫu nhiệm căn nguyên của CHA LÀNH muốn cho các con nối nghiệp theo một khuôn phép trường tồn. Lễ đó trọng hệ như dâng Tam Bửu vậy. Bản Đạo dạy một lần nữa, khi nào xướng : Nhạc tấu Huân Thiên, thì phải đứng bình tịnh, người nào có vô không kịp thì đứng ngoài mà thôi”.

(Tài liệu trên được tìm thấy trong bài Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp về “Ý Nghĩa Lễ Nhạc” tại Đền Thánh đêm mừng 1 tháng 8 năm Đinh Hợi 15-9-1947 và trong bài Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp “Ý Nghĩa Về Nhạc Tấu Huân Thiên” tại Báo Ân Từ thời Ngọ, Rằm tháng 4 năm Mậu Tý 23-5-1948).

***Đại Đàn ĐẠI LỄ ĐỨC CHÍ TÔN và 3 ngày Rằm Tam Nguyên** thì Nhạc tấu Huân Thiên đờn 7 bài : *Xàng Xê, Ngũ Đối Thượng, Ngũ Đối Hạ, Long Đăng, Long Ngâm, Vạn Giá, Tiểu Khúc.*

***Đại Đàn Đại Lễ HỘI YẾN ĐIỀU TRÌ CUNG** (Vía Đức PHẬT MẪU tại Báo Ân Từ), Ba Đấng Giáo Chủ của Tam Giáo, Tam Trấn và Đức Chúa Jêsus Christ thì Nhạc tấu Huân

Thiên đờn 5 bài : *Xàng Xê, Ngũ Đối Thượng, Ngũ Đối Hạ, Long Đãng, Tiểu Khúc.*

***Tiểu Đàn Sóc Vọng**, lễ Đưa Chư Thánh, lễ Rước Chư Thánh, và lễ Kỷ niệm các Đấng thì Nhạc tấu Huân Thiên đờn 3 bài : *Ngũ Đối Hạ, Long Đãng và Tiểu Khúc.*

GHI CHÚ :

- 1.- Xàng Xê : là đưa qua trộn lại, biểu tượng cho thời Hỗn Độn sơ khai.
- 2.- Ngũ Đối Thượng : là 5 tầng trên (đó là Ngũ Khí, là thanh khí nổi lên làm trời).
- 3.- Ngũ Đối Hạ : là 5 tầng dưới (đó là Ngũ Hành, là trược khí hạ xuống làm Đất)
- 4.- Long Đãng : là rồng lên, tượng trưng cho Dương.
- 5.- Long Ngâm : là rồng xuống, tượng trưng cho Âm.
- 6.- Vạn Giá : là muôn việc đã được định an, muôn loài vật đều có tên.
- 7.- Tiểu Khúc : là nhỏ ngắn trong trời đất đều có định luật và có tên.

***Cúng Đại Đàn và Tiểu Đàn thì Dâng Tam Bửu** : *Hoa, Rượu và Trà* (tượng trưng cho *Tinh, Khí và Thần*).

Nơi Tòa Thánh, Điện Thờ **PHẬT MẪU** và các Thánh Thất, khi đọc kinh cúng thì có nhạc (nhạc dân tộc) : Đồng Nhi phải đọc đúng giọng và gõ nhịp sanh đúng nhịp đờn.

Phần đọc kinh do các cháu thanh thiếu nhi phụ trách, gọi là *Đồng Nhi*, dưới sự hướng dẫn của *Biện Nhi* hay *Giáo Nhi*. *Lễ Sĩ* phụ trách Diên dâng Hương và dâng Tam Bửu, theo từng lớp nhạc và giọng thài của các Đồng Nhi.

Khi tụng *Kinh Di Lạc, Kinh Cứu Khổ, Kinh Sám Hối* thì không có nhạc, nhưng có mõ và chuông.

Đồng Nhi là các cháu thiếu nhi con nhà Đạo, được tuyển chọn để dạy cho biết cách tụng kinh, để đứng tụng kinh trong các thời cúng tại Đền Thánh, Thánh Thất và Điện Thờ.

Biện Nhi là Trưởng Ban Đồng Nhi, tức là một em Đồng nhi lớn tuổi hơn trong Ban được địa phương cử để điều hành Ban Đồng Nhi.

Giáo Nhi là người đủ điểm đậu một khoa thi do Hội Thánh tổ chức tại Tòa Thánh Tây Ninh, dạy các Đồng Nhi đọc kinh cho đúng giọng và đúng nhịp đờn.

Lễ Sĩ là học trò lễ, là những người có phận sự dâng các phẩm vật cúng tế lên người chủ lễ, để vị này cầu nguyện rồi đem đặt lên trên bàn thờ.

Hội Thánh chia ra hai hạng Lễ Sĩ và Giáo Nhi : *Hạng thứ nhất* là Lễ Sĩ và Giáo Nhi trọn hiến thân cho Hội Thánh, như là Giáo Nhi đã “*tuyên thệ thủ trình hành đạo*”, thì sẽ dâng thuyên bỏ hành đạo đến các Thánh Thất bất cứ nơi nào. Khi đủ 5 năm công nghiệp thì thăng lên Lễ Sanh, khỏi phải cầu phong. Hạng này trên quyền Chánh Trị Sự và dưới quyền Lễ Sanh. *Thứ nhì* là hạng Lễ Sĩ và Giáo Nhi còn ở với gia đình, hạng này tòng quyền Chánh Trị Sự.

D.- Hoán Đàn

Chỉ có Đại Đàn nơi Tòa Thánh Tây Ninh mới có đi Hoán Đàn. (Hoán là thay đổi. Đàn là Đàn cúng Đức CHÍ TÔN).

Hoán Đàn tại Tòa Thánh Tây Ninh trong những kỳ Đại Lễ cúng Đức CHÍ TÔN và các Đấng Thiêng Liêng được thực hiện như sau : các Chức Sắc, Chức Việc và Đạo hữu Nam Nữ nhập đàn, đi từ cấp 1 Cửu Trùng Đài lên đến cấp thứ 9, lên

Cung Đạo, rồi vòng qua phía bên kia, trở xuống cấp 1 Cửu Trùng Đài, rồi lại đi trở lên, lập vị theo phẩm bực.

Cấp 1 Cửu Trùng Đài là bực Địa Thần thuộc Phàm, lên đến cấp 4 là bực Thánh, lên đến cấp 9 là bực Tiên, vào Cung Đạo là bực Phật.

Đi từ cấp 1 lên đến cấp 9 vào Cung Đạo là Phàm lên Tiên Phật (Phàm nhập Thánh); rồi trở xuống là Tiên Phật xuống Phàm (Thánh lâm Phàm), rồi quay trở lên lập vị.

E.- Cúng Thời

Cúng Tứ Thời vào mỗi ngày thường :

- 12 giờ Khuya và Trưa : Dâng Rượu, 3 ly rượu mỗi ly rót 3 phân, tức là 3 phần 10 của ly theo chiều cao.

- 6 giờ Sáng và Chiều : Dâng Trà, Trà và Nước Trắng mỗi tách rót 8 phân, tức là 8 phần 10 của tách theo chiều cao.

1.- Cúng Thời 12 giờ (Trưa và Khuya), khi dứt bài Dâng Rượu, mình cúi đầu cầu nguyện Đức CHÍ TÔN : “Con xin dâng cả Trí thức Tinh thần của con cho CHÍ TÔN dùng phương nào thì dùng”.

2.- Cúng Thời 6 giờ (Sáng và Chiều), khi dứt bài Dâng Trà, mình cúi đầu cầu nguyện Đức CHÍ TÔN : “Con xin dâng cả Linh hồn của con cho CHÍ TÔN dùng phương nào thì dùng”.

Trong quyển Bí Pháp, trang 68, Đức Hộ Pháp dạy như sau : “ Đức CHÍ TÔN biểu chúng ta mỗi ngày phải dâng ba món ấy : ba món trọng hệ hơn hết là Tinh, Khí, Thần. Thường ngày chúng ta chỉ lấy Khí, Thần dâng mà thôi, còn Tinh thì Tiểu Đàn hay Đại Đàn mới có ”.

Cúng Thời tại tư gia thì không có nhạc, nhưng tụng Kinh Di Lạc, Kinh Cửu Khổ, Kinh Sám Hối thì vẫn có mõ và chuông.

3.- THIÊN BÀN

Thiên Bàn là cái bàn thờ để thờ TRỜI, tức là thờ Đức CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ.

Người tín đồ Cao Đài, khi đã nhập môn cầu đạo rồi thì phải chọn một nơi cao ráo tinh khiết nhất trong nhà của mình, tốt hơn hết là giữa nhà, để lập Thiên Bàn thờ Đức CHÍ TÔN. Nên che màn cho khuất chỗ thờ phượng.

Sau đây là cách bài trí trên Thiên Bàn thờ tại tư gia :

			1			
3			2			4
	5	6	7	8	9	
10			11			12

1. THÁNH TƯỢNG

(Mẫu do Hội Thánh ban hành)

- | | | |
|---------------------------|-------------------|---------------|
| 3. Dĩa trái cây | 2. Đèn Thái Cực | 4. Bình bông |
| 5. Nước trà | 6.7.8. Ba ly rượu | 9. Nước trắng |
| 10.12. Cặp đèn Lương Nghi | | 11. Lư hương |

Đó là 12 món bắt buộc phải sắp đủ trên Thiên Bàn, không được thiếu mà cũng không được dư. Sự sắp xếp của 12 món phải theo đúng vị trí của sơ đồ trên để hợp thành hình chữ "Chủ" (từ Hán Việt) với 12 phẩm vật tượng trưng cho Thập Nhị Khai Thiên. Con số 12 là số riêng của Đức CHÍ TÔN.

(1) **Thánh Tượng** : tượng trưng cho Ngọc HOÀNG THƯỢNG ĐẾ và các Đấng trong Tam Giáo, Tam Trấn và Ngũ Chi (do Hội Thánh ban hành và phải được Trấn Thần trước khi thờ).

(2) **Đèn Thái Cực** : tượng trưng cho Ngôi Thái Cực của Đức CHỈ TÔN, phải được giữ cho cháy liên tục, không nên để tắt.

(3) **Đĩa Trái Cây** : nên chọn đủ 5 loại trái cây (không kể màu), nếu được 9 loại thì tốt hơn (số 9 biểu tượng Cửu Thiên Khai Hóa).

(4) **Bình Bông** : nên chọn đủ 5 màu (không kể tên hoa). Năm sắc hoa là : vàng, đỏ, xanh, trắng, đen. Hoa màu đen khó tìm, nên có thể thay thế bằng màu tím sậm hoặc đỏ sậm. Năm sắc hoa tượng trưng cho Ngũ Tạng và Ngũ Quan của con người, tương ứng với Ngũ Hành trong trời đất .

- Người có ngũ tạng và ngũ quan :

Ngũ tạng là : Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận
(tím, gan, lá lách, phổi, thận)

Ngũ quan là : Mắt, Tai, Mũi, Thân, Lưỡi.

- *Đất có Ngũ Hành là* : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ
ứng với 5 màu : Trắng, Xanh, Đen, Đỏ, Vàng

Khi cúng PHẬT MẪU thì đổi chữ “THƯỢNG ĐẾ” thành chữ “PHẬT MẪU”, và câu 4 trở thành : *Cúi mong PHẬT MẪU rưới ân Thiên.*

(5,9) **Hai tách nước Âm Dương** : Nước Trà được nấu chín là Âm. Nước Trắng là Dương, là nước trên trời rơi xuống, tinh khiết, do THƯỢNG ĐẾ ban cho ; vậy nên chọn nước mưa hoặc nước giếng được lọc cho tinh khiết. Nên nhớ là không

được đun sôi, vì nếu đun sôi thì hết dương, tuyệt cơ sinh hóa. Khi cúng, mỗi tách rót 8 phân, tức 8 phần 10 theo chiều cao.

Chén nước Trà tượng trưng cho Thần, tức là Linh hồn ; số 8 chỉ Bát Phẩm Chơn hồn. Trong PHẬT MẪU CHƠN KINH có câu “Bát Hồn vận chuyển hóa thành Chúng sinh”.

(Có tài liệu giải thích như sau : số 8 ám chỉ 8 lượng tức nửa cân. *Phân nửa bên Dương* (Nước Trắng) hợp với *Phân nửa bên Âm* (Nước Trà) thành một Cân, ám chỉ Âm Dương hiệp Nhứt).

Cúng THẦY với hai tách nước Âm Dương, là sự cầu nguyện cho Âm Dương hòa hiệp, hai nguồn sống được tương đồng, chúng sanh thọ hưởng sự sống trong yên lành hạnh phúc. Khi cúng xong, đứng trước Thiên Bàn, hai tay bưng hai tách Nước Âm Dương đưa lên trán cầu nguyện, cầu xin Đức CHỈ TÔN ban Ân Điển vào Âm Dương Thánh Thủy.

Cầu nguyện xong, lấy hai tách Nước Âm Dương xấp lại gần nhau cho Âm Dương ký tế, nghĩa là hai mặt nước hiệp nhau, rồi đổ ngay vào chén. Khi khởi rót thì niệm Câu Chú của THẦY, khi dứt câu thì nước trong hai tách cũng đã rót vào chén. Đặt trọn niềm tin mà cầu nguyện nơi Đức CHỈ TÔN thì nước ấy sẽ có tác dụng như *Cam Lộ Thủy*, cho người có bệnh uống sẽ lành mạnh, vì người ấy được hưởng một lượt với hai nguồn sống mãnh liệt là Âm Dương hiệp nhứt.

GHI CHÚ :

- Trong Quyển “*Giảng Đạo Yếu Ngôn*” của tác giả Nguyễn Văn Kinh (Hội Thánh giữ Bản Quyền Tái bản năm Kỷ Dậu -1969, trg27) có ghi như sau :

“ Bên tả để một chén NƯỚC TRẮNG gọi là Thái Cang (*Tả Thanh Long*). Bên hữu một chén NƯỚC CÓ TRÀ gọi là Thái Nhu (*Hữu*

Bạch Hồ). Trong chén nước có tám phân, bên Âm có trà, bên Dương nước trắng : Âm Dương hiệp lại thành Đạo. Đạo gọi là : “ *Nhị bát hiệp thành nhất cân chi số dã*”. (Nghĩa là hai cái tám phân hiệp làm một cân 16 lượng). Chỉ đối trên Trời là Âm Dương, chỉ nơi Đất là cang nhu, nơi người tánh mạng.”

- Theo Quyển “*Thiên Bàn Thờ tại Tư Gia*” (Soạn giả: Giáo Hữu Thượng Lý Thanh) có kiểm duyệt của Hội Thánh (Ban Kiểm Duyệt Kinh Sách) ngày 10 tháng 7 năm Canh Tuất, Dương lịch 11-8-1970 :

“NƯỚC TRẮNG : Để bên tả, ấy là Dương.

Nước Dương là nguồn nước trên Trời mưa xuống, là sự sống của Đức CHỈ TÔN ban cho, để nuôi sống muôn loài vạn vật.

NƯỚC TRÀ : Để bên hữu, ấy là Âm.

Nước Âm là nguồn nước ở trong lòng Đất, và biển cả, sông ngòi, rạch suối. Nguồn sống của đất do PHẬT MẪU ban cho, một nguồn sống triền miên vô tận ... Chén nước trà còn tượng trưng cho *Thần, tức là Linh hồn*.

Khi cúng rót nước đủ tám phân, tượng trưng cho “*Bát hồn vạn chuyển*”, do Đức ĐIỀU TRỊ KIM MẪU dùng Âm quang biến tạo.

Cúng hai chén nước Âm Dương, là sự cầu nguyện cho Âm Dương hòa hiệp, hai nguồn sống được tương đồng, Chúng sanh thọ hưởng sự sống trong yên lành hạnh phúc.

- Thánh Huấn số 1-NCPS/TH ngày 19 tháng 5 năm Canh Tuất (22-6-1970) của Hội Thánh Cửu Trùng Đài dạy : “*Chén nước trắng không được nấu, nếu nấu sôi thì chết Dương, tuyệt cơ sanh hóa*” (Theo quyển *Thiên Bàn Thờ Tại Tư Gia* - Soạn giả Hiền Huynh Giáo Hữu Thượng Lý Thanh - Kiểm duyệt của Ban Kiểm Duyệt Kinh Sách Hội Thánh ngày 10 tháng 7 năm Canh Tuất, DL 11-8-1970).

(6,7,8) Ba ly Rượu : Ba ly rượu tượng trưng cho *Khí* tức là *Chơn Thần* do Đức PHẬT MẪU ban cho. Số 3 ở đây tượng trưng cho *Tam Giáo* là Nho, Thích, Lão. Khi cúng rót rượu mỗi ly 3 phân, 3 ly tổng cộng là 9 phân : số 3 ở đây tượng trưng cho *Tam Tài* là *Thiên, Địa, Nhơn* và số 9 tượng trưng cho *Cửu Thiên Khai Hóa* (*ThiênTiên, NhơnTiên, ĐịaTiên, ThiênThánh, NhơnThánh, ĐịaThánh, ThiênThần, NhơnThần, ĐịaThần*). Khi cúng Đền tại Đền Thánh và ở các Thánh Thất (Tiểu Đền hay

Đại Đền), ly rượu do Lễ sĩ dâng lên phải được rót đủ 9 phân và những ly để sẵn trên Thiên Bàn cũng phải được rót cho đủ 9 phân.

NÊN NHỚ :

Hoa chỉ về Tinh, dâng Hoa là dâng *Mảnh hình hài* cho CHỈ TÔN dùng phương nào thì dùng.

Rượu chỉ về Khí, dâng Rượu là dâng *Chơn thần* cho CHỈ TÔN dùng phương nào thì dùng.

Trà chỉ về Thần, dâng Trà là dâng *Linh hồn* cho CHỈ TÔN dùng phương nào thì dùng.

(10,12) Cặp Đèn Lương Nghi : là hai cây đèn đốt lên tượng trưng cho Nghi Dương và Nghi Âm của Càn Khôn Vũ Trụ, do Thái Cực biến hóa ra.

(11) Lư Hương : Đốt 5 cây nhang, dù cúng hay chỉ đốt nhang vẫn phải đủ 5 cây (không bao giờ đốt 3 cây). Nhang cắm vào lư hương được xếp thành hai hàng : Hàng trong 3 cây, gọi là *án Tam Tài* (Thiên, Địa, Nhơn), hàng ngoài 2 cây. Trong ba, ngoài hai thì đủ năm, gọi là *tượng Ngũ Khí* hay *án Ngũ Hành*. Năm cây nhang ấy tương ứng với ngũ hương trong lòng mình là : *Giới Hương, Định Hương, Huệ Hương, Tri Kiến Hương, và Giải Thoát Hương*.

Trong Quyển *Thiên Đạo*, trang 120 (bản in tại Hoa Kỳ, ấn tống vào tháng 7, năm 2001), Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có giải thích về năm cây nhang ấy như sau :

“*Luận về phép tu tĩn, năm cây nhang ấy biểu tượng năm giai đoạn tu hành, tùy theo công đức mà nên đạo quả. Năm cây nhang ấy gọi ngũ phần hương là :*

1-Giới Hương, nghĩa là giữ trọn giới cấm cho thân mình trong sạch.

2-**Định Hương**, nghĩa là thiên định cho tâm thân an tịnh.

3-**Huệ Hương**, nghĩa là thiên định rồi thì phát huệ.

4-**Tri Kiến Hương**, nghĩa là phát huệ rồi gia công thêm nữa thì sẽ biết cái mẫu nhiệm của Tạo Hóa, tức là đặc lục thông.

5-**Giải Thoát Hương**, nghĩa là giải thoát luân hồi quả báo”.

4.- TỨ THỜI

Tứ thời là bốn thời điểm đặc biệt trong một ngày đêm, mà hai khí Âm Dương biến đổi : khởi sanh hay giao hòa nhau.

A.- **Tứ thời gồm** : Thời Tý, thời Ngọ, thời Mẹo, thời Dậu.

1- **Thời Tý** : lúc 0 giờ hay 12 giờ khuya. Lúc đó khí Âm cực thịnh, khí Dương khởi sinh.

2- **Thời Mẹo** : lúc 6 giờ sáng. Lúc đó hai khí Âm Dương giao hòa nhau vì có cường độ bằng nhau.

3- **Thời Ngọ** : lúc 12 giờ trưa. Lúc đó khí Dương cực thịnh, khí Âm khởi sinh.

4- **Thời Dậu** : lúc 6 giờ chiều. Lúc đó hai khí Âm Dương giao hòa nhau vì có cường độ bằng nhau.

***Thời Tý và thời Ngọ** : Cúng Rượu.

Thời Tý là thời cực Âm sanh Dương, là thời Ngược khí của Đức CHÍ TÔN phát khởi.

Thời Ngọ là thời cực Dương sanh Âm, là thời Ngược khí của Đức CHÍ TÔN cực thịnh, đầy đủ khí Dương quang soi sáng khắp vũ trụ.

Cúng vào những thời này thì khí phách được mạnh mẽ, trí não được sáng suốt : Dâng Chơn thần (tức Trí não, hay Trí

thức Tinh thần) cho CHÍ TÔN và PHẬT MẪU dùng phương chi thì dùng, và xin Đức CHÍ TÔN và Đức PHẬT MẪU ban ơn lành cho Chơn thần được tinh tấn.

***Thời Mẹo và thời Dậu** : Cúng nước Âm Dương.

- **Nước Trắng** : Âm hóa Dương. Nước thiên nhiên có chứa nhiều tạp chất, nên thuộc Âm. Nước trắng cúng THẦY là nước tinh khiết nghĩa là đã được thanh lọc để loại trừ các tạp chất nên trở thành Dương, tức Âm hóa Dương.

- **Nước Trà** : Dương hóa Âm. Nước trà là nước lọc (thuộc Dương) được cộng thêm trà nên trở thành âm, tức Dương hóa Âm.

Thời Mẹo (6 giờ sáng) là giao điểm giữa đêm và ngày tức là từ Âm chuyển sang Dương, giống như Nước Trắng.

Thời Dậu (6 giờ chiều) là giao điểm giữa ngày và đêm tức là từ Dương chuyển sang Âm, giống như Nước Trà.

Do vậy mà vào thời Mẹo và thời Dậu thì dùng nước Âm Dương để cúng Đức CHÍ TÔN và Đức PHẬT MẪU (cũng như ở Bàn Hộ Pháp) : Dâng Chơn linh (tức Linh hồn) cho CHÍ TÔN và PHẬT MẪU dùng phương chi thì dùng, và xin Đức CHÍ TÔN và Đức PHẬT MẪU ban ơn lành cho Linh hồn được tấn hóa.

Đạo Cao Đài qui định vào Tứ Thời, tất cả các tín đồ nên cúng Đức CHÍ TÔN hay Đức PHẬT MẪU tại Thánh Thất hay Điện Thờ, hoặc tại Thiên Bàn nơi tư gia.

B.- Cách Tính Giờ Theo Âm Lịch

Theo Âm lịch, mỗi ngày được chia thành 12 khoảng thời gian bằng nhau, mỗi khoảng ấy được gọi là giờ Âm lịch. Giờ Âm lịch được đặt tên theo Thập nhị Địa chi (12 con giáp)

là : giờ Tý, giờ Sửu, giờ Dần, giờ Mão, giờ Thìn, giờ Ty, giờ Ngọ, giờ Mùi, giờ Thân, giờ Dậu, giờ Tuất, giờ Hợi.

Từ xưa, thông thường giờ âm lịch được tính như sau :

Giờ Tý : từ 23g đến 1g Giờ Mão : từ 5g đến 7g
Giờ Ngọ : từ 11g đến 13g Giờ Dậu : từ 17g đến 19g.

5.- NHẬP ĐÀN CÚNG ĐỨC CHÍ TÔN

A.- Chắp Tay Bất Ấn Tý

Khi nhập Đàn cúng Đức CHÍ TÔN thì chắp tay “Ấn Tý”, cách làm như sau :

-**Tay trái** : Bấm đầu ngón cái vào gốc ngón áp út (tức ngay cung Tý), rồi nắm lại.

-**Tay mặt** : Bàn tay mặt áp ngoài, rồi ngón cái tay mặt xỏ vào giữa ngón cái và ngón trỏ của bàn tay trái, chỉ ngay cung Dần.

(Sách có câu : “*Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần*”).

GHI CHÚ : “**Về bất Ấn Tý**”, trong mục “Ý Nghĩa Sự Lạy” (trong Quyển Thiên Đạo, trang 133), Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có chỉ dạy như sau: “**Bất Ấn**, người ta tréo mấy ngón tay lại, hoặc đưa ngón này vô, đưa ngón nọ ra theo một cách thức riêng. Nguyên trong mấy ngón tay, có ngón xuất điển quang như ngón trỏ và ngón út ; có ngón tiếp điển quang ở ngoài như ngón giữa và ngón áp út. Phạm muốn khỏi tiếp Tà điển, khi bắt Ấn, người ta co ngón giữa và ngón áp út lại hoặc tréo nhau theo cách thức riêng, đồng thời lại đưa thẳng ngón trỏ và ngón út dăng xuất điển để chống cự hoặc xua đuổi Tà điển.

Còn ngón cái là nguồn chứa sinh lực, phải co lại dặng tránh Tà điển làm tổn thương sinh lực.

Bất Ấn Tý thì dùng ngón cái tay trái ấn vào ngón áp út (cũng tay trái) chỗ Cung Tý rồi nắm trọn tay lại. Vì Đức THƯỢNG ĐẾ là Đại Từ Bi, cho nên Ấn của Ngài chỉ dùng cho chúng ta hộ thân, chứ không cần xuất điển nên ngón trỏ và ngón út không đưa thẳng ra như bất Ấn khác ”.

Về cách lạy, trong Quyển “*Luận Đạo Vấn Đáp*”, Ngài Bảo Pháp có giải thích như sau.

“*Người Ngoài Đạo vấn : Mỗi lần lạy sao không chắp tay như thuở nay vậy, lại bày ra chi cho khác kiểu là tay mặt úp ngoài tay trái, rồi ôm tròn nhau vậy ?*”

Người Trong Đạo đáp : *Mỗi việc chi trong việc cúng kiếng phượng thờ đều có nghĩa lý cả, tại mình không kiếm hỏi cho hiểu, rồi cho người bày đặt. Vậy xin giải ra nay cho anh rõ : Nay Đạo đã hoàng khai thì như bông sen đã nở, rồi sanh ra trái, gọi là kết quả, ấy là hai tay ôm tròn lại như trái cây vậy. Mà kết quả rồi không dặng phép hưởng riêng một mình, phải gieo ra cho chúng sanh hưởng, gọi là Phổ độ. Vì vậy mà khi cúi lạy phải sè hai bàn tay ra như gieo hạt vậy. Lại nữa : Cách lạy ấy cũng do theo nghĩa lý của cuộc tạo Thiên lập Địa. Tay mặt úp ngoài tay trái gọi là Âm Dương tương hiệp (hữu là âm, tả là dương), Khi Âm ngậm khí Dương mới sanh ra Thái cực là hai bàn tay ôm tròn lại, đó Thái cực sanh ra lưỡng nghi là hai ngón cái, khi lạy hai ngón cái tréo nhau gài chữ thập, gọi lưỡng nghi phân Tứ tượng, đoạn 8 ngón tay kia trải ra gọi là Bát quái. Nhờ thế mà nhiều kẻ sau này được siêu Phạm nhập Thánh gọi là ‘*Biến hóa vô cùng*’ ”.*

B.- Niệm, Cúi Đầu và Lạy

Khi nhập Đàn cúng Đức CHÍ TÔN thì làm như sau :

Đưa hai tay chắp Ấn Tý mà đưa lên trán, xá sâu 3 xá rồi quì xuống để tay chắp Ấn Tý ngay ngực. Khi nghe tiếng chuông thì đưa hai tay chắp Ấn Tý lên trán mà niệm : “**Nam mô Phật**”, đưa qua bên trái niệm : “**Nam mô Pháp**”, đưa qua bên mặt niệm : “**Nam mô Tăng**”, rồi để ngay ngực mà niệm :
-**Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát** (cúi đầu).
-**Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát** (cúi đầu).
-**Nam mô Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông ĐĐTKPĐ** (c.đ).
-**Nam mô Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân** (cúi đầu).
-**Nam mô chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần** (cúi đầu).

Nên nhớ là cúi đầu (hay gập đầu) chớ không phải xá.

Khi lạy thì hai bàn tay úp xuống và trải ra, hai ngón cái phải gác chéo nhau.

Tiếp theo thì bắt đầu tụng các bài kinh : *Niệm Hương, Khai Kinh, ...* Trong lúc tụng kinh, khi đọc đến những chữ quan trọng thì cúi đầu, nên nhớ là cúi đầu chớ không phải xá (điều này có ghi rõ trong quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo do Hội Thánh ban hành), nghĩa là hai tay chắp Ấn Tý vẫn để yên nơi ngực và chỉ cúi đầu xuống mà thôi, không cử động hai tay. Những chữ phải cúi đầu thì trong quyển Kinh thường được in chữ đậm.

***Trong bài Niệm Hương :** (cúi đầu 5 lần)

a.- Cúi đầu khi đọc các chữ :

- Kính thành cầu nguyện Tiên gia* (câu thứ 4)
- Thần, Thánh* (câu thứ 5)
- khẩn nguyện* (câu thứ 7)
- Trời, Đất* (câu thứ 8)
- Ơn Trên* (câu chót).

b.- **Lạy 3 lạy, mỗi lạy 4 gập**, mỗi gập niệm Danh THẦY :

“*Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*”.

***Trong bài Khai Kinh :** (cúi đầu 6 lần)

a.- Cúi đầu khi đọc các chữ :

- Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông* (câu thứ 3)
- Tam Giáo* (câu thứ 5)
- Trung Dung Khổng Thánh* (câu thứ 7)
- Từ bi Phật* (câu thứ 8)
- Tiên Đạo* (câu thứ 9)
- Thánh Kinh* (câu chót).

b.- Không có lạy

***Trong bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế :** (cúi đầu 6 lần)

a.- Cúi đầu khi đọc các chữ :

- Đại La Thiên Đế Thái Cực Thánh Hoàng* (câu 1 và 2)
- Đại Từ Phụ* (câu 24)
- Nhật, Nguyệt, Tinh, Thần chi Quân* (câu 27)
- Thánh, Thần, Tiên, Phật, chi Chủ* (câu 28)
- Huyền Khung Cao Thượng Đế, Ngọc Hoàng* (câu 38-39)
- Đại Thiên Tôn* (câu 40, tức câu chót).

b.- **Lạy 3 lạy, mỗi lạy 4 gập**, mỗi gập niệm Danh THẦY :

“*Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*”.

***Trong bài Kinh Thích Giáo :** (cúi đầu 3 lần)

a.- Cúi đầu khi đọc các chữ :

- Hỗn Độn Tôn Sư, Càn Khôn Chủ Tổ* (câu 1 và 2)
- Nhiên Đăng Cổ Phật* (câu kể chót)
- Vô vi Xiển giáo Thiên Tôn* (câu chót).

b.- **Lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gập**, mỗi gập niệm : “*Nam mô Nhiên Đăng Cổ Phật Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*”.

***Trong bài Kinh Tiên Giáo :** (cúi đầu 3 lần)

a.- Cúi đầu khi đọc các chữ :

-*Thái Thượng Đạo Quân* (câu thứ 2)

-*Thái Thượng Đạo Quân* (câu kể chót)

-*Chưởng Giáo Thiên Tôn* (câu chót).

b.- Lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm : “*Nam mô Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn*”.

***Trong bài Kinh Nho Giáo :** (cúi đầu 3 lần)

a.- Cúi đầu khi đọc các chữ :

-*Quốc hương Nội điện, Văn Thĩ Thượng cung* (câu 1+2)

-*Văn Tuyên Tư Lộc* (câu thứ 16)

-*Bầu Quang từ tế Thiên Tôn* (câu chót).

b.- Lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm : “*Nam mô Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thanh Thế Thiên Tôn*”.

***Trong bài Dâng Hoa :** (cúi đầu 3 lần)

a.- Cúi đầu khi đọc các chữ :

-*Từ Bi* (câu thứ nhất)

-*Kính lễ* (câu thứ 3)

-*Thượng Đế* (câu thứ 4, tức câu chót).

Xong đưa tay lên trán nguyện : “*Con xin dâng Mảnh hình hài của con cho CHỈ TÔN dùng phương nào thì dùng*”.

b.- Lạy 1 lạy 4 gật, mỗi gật niệm Danh THẦY.

***Trong bài Dâng Rượu :** (cúi đầu 3 lần)

a.- Cúi đầu khi đọc các chữ :

-*Thiên ân* (câu thứ nhất)

-*Khấu cung* (câu thứ 3)

-*Ngưỡng ân sinh* (câu thứ 4, tức câu chót).

Xong đưa tay lên trán nguyện : “*Con xin dâng cả Trí thức Tinh hân của con cho CHỈ TÔN dùng phương nào thì dùng*”.

b.- Lạy 1 lạy 4 gật, mỗi gật niệm Danh THẦY.

***Trong bài Dâng Trà :** (cúi đầu 3 lần)

a.- Cúi đầu khi đọc các chữ :

-*Kính lễ* (câu thứ 2)

-*Từ Bi* (câu thứ 3)

-*Đại Đạo* (câu thứ 4, tức câu chót).

Xong đưa tay lên trán nguyện : “*Con xin dâng cả Linh hồn con cho CHỈ TÔN dùng phương nào thì dùng*”.

Câu chót, nên nguyện gồm chung lại như sau : “*Cả Linh hồn, cả Trí não, cả Hình hài con, THẦY đào tạo; đó là của THẦY thì do nơi quyền hành độc đoán của THẦY định*”.

b.- Lạy 1 lạy 4 gật, mỗi gật niệm Danh THẦY.

Ghi Nhớ : Những lời nguyện sau các bài dâng Tam Bửu là do Đức Hộ Pháp dạy cho. Cúng Thời ngày thường chỉ dâng có một Bửu thì nguyện theo Bửu ấy :

-**12 giờ cúng Rượu** thì dâng **Chơn thân**,

-**6 giờ cúng Trà** thì dâng **Linh hồn**.

(*Trí não hay Trí thức Tinh thần* tượng trưng cho *Chơn thân*).

***Trong bài Ngũ Nguyện :** (cúi đầu 5 lần)

a.- Cúi đầu khi đọc các chữ :

-*Đại Đạo hoằng khai* (câu thứ 1)

-*Phổ độ chúng sanh* (câu thứ 2)

-*Xá tội đệ tử* (câu thứ 3)

-*Thiên hạ thái bình* (câu thứ 4)

-*Thánh Thất an ninh* (câu chót).

b.- Lạy 3 lạy, mỗi lạy 4 gật, mỗi gật niệm Danh THẦY : “*Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*”.

6.- NHẬP ĐÀN CÚNG ĐỨC PHẬT MẪU

Khi nhập Đàn cúng Đức PHẬT MẪU thì cũng chấp tay Ấn Tý, xá 3 xá, quì xuống để tay lên trán, niệm :

- *Nam mô ĐIỀU TRÌ KIM MẪU Vô Cực Thiên Tôn* (cúi đầu)

- *Nam mô Cửu Vị Tiên Nương* (cúi đầu)

- **Nam mô Bạch Vân Động Chư Thánh** (cúi đầu).

Nhớ không lấy dấu Phật, Pháp, Tăng.

Tiếp theo, tụng các bài kinh sau đây :

- **Niệm Hương** (3 lay, mỗi lay 3 gật).

- **Khai Kinh** (cúi đầu, không có lay).

- **PHẬT MẪU CHƠN KINH** (3 lay, mỗi lay 3 gật).

- **Tán Tụng Công Đức ĐIỀU TRÌ KIM MẪU** (3 lay, mỗi lay 3 gật). Bài này ngày Đản Sóc, Vọng và Lễ Vía khởi đọc.

- **Dâng Tam Bửu** (mỗi bài lay 3 lay, mỗi lay 3 gật) .

Ngày thường, cúng Thời thì Thời nào dâng Bửu nấy.

- **Ngũ Nguyên** (3 lay, mỗi lay 3 gật).

Mỗi lần lay Đức PHẬT MẪU thì lay 3 lay, mỗi lay 3 gật, mỗi gật niệm danh PHẬT MẪU : “**Nam mô ĐIỀU TRÌ KIM MẪU Vô Cực Thiên Tôn**”.

GHI NHỚ

- Khi cúng Đại Đàn hoặc Tiểu Đàn Đức CHÍ TÔN, sau mỗi bài dâng Hoa, dâng Rượu và dâng Trà chỉ lay có **một lay** (mỗi lay 4 gật).

- Nhưng khi cúng Đại Đàn Đức PHẬT MẪU, sau mỗi bài dâng Hoa, dâng Rượu và dâng Trà thì lay **ba lay** (mỗi lay 3 gật). Cúng Đức PHẬT MẪU chỉ có một Nghi tiết Đại Đàn (và cúng Thời thường ngày), không có Nghi tiết Tiểu Đàn.

7.- ẨM TÝ TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Quyển Quan Hôn Tang Lễ đã được **Hội Thánh Lương Đài** (gồm 4 vị Thời Quân, 1 vị Chưởng Ấn, 2 vị Cãi Trạng, 3 vị Đầu Sư thuộc ba Phái, 3 vị Quyền Chánh Phối Sư thuộc ba Phái, vị Quyền Nữ Chánh Phối Sư, vị Chưởng Quán Phước Thiện Nam Phái, vị Chưởng Quán

Phước Thiện Nữ Phái) *chung quyết*, và được Đức Lý Giáo Tông *Nhứt Trán Oai Nghiêm phê chuẩn tại Cung Đạo Đền Thánh.*

Trong **Quyển Quan Hôn Tang Lễ** (nơi trang 35) có dạy cách lay như sau :

Lễ Bái CHÍ TÔN

THẦN, THÁNH, TIÊN, PHẬT

Và VONG PHÀM

Người Đạo Cao Đài hễ khi lay thì tay chấp bắt Ấm Tý, lay **Thần, Thánh, Tiên, Phật** hay **vong phàm** tay cũng đều bắt Ấm Tý.

Lay Đức CHÍ TÔN 12 lay, lấy dấu **PHẬT, PHÁP, TĂNG** (3 lay, mỗi lay 4 gật).

Lay **PHẬT, TIÊN** 9 lay, không lấy dấu Phật, Pháp, Tăng (3 lay, mỗi lay 3 gật).

Lay **THÁNH, THẦN** 3 lay suông (không có gật).

Lay **Vong phàm** 4 lay (2 lay quì, 2 lay đứng).

Lay **Người sống** 2 lay (lay đứng).

GHI CHÚ :

- Chỉ lấy dấu Phật Pháp Tăng và gật 4 gật cho mỗi lay khi nào lay Đức CHÍ TÔN mà thôi.

- Được biết, có người thắc mắc khi lay vong phàm mà bắt Ấm Tý, nên thỉnh giáo *Ngài Hiến Pháp* về việc này, thì Ngài giải đáp đại ý như sau :

“*Trong Thánh Ngôn, THẦY dạy cách bắt Ấm Tý và cách lay, Qua chửa hề thấy dạy lay vong phàm hay Thần, Thánh, Tiên, Phật mà bắt Ấm nào khác, chỉ khác nhau là số lần lay. Nếu mấy Em thấy có lời dạy khác hơn thì cho Qua biết để Qua ra Đạo lệnh sửa đổi*”.

----- 0 -----

Ý Nghĩa và Sự Quan Trọng CỦA VIỆC CÚNG KIẾNG

1.- CÚNG KIẾNG VÀ LỄ BÁI

Theo quyển “Đại Từ Điển Tiếng Việt” của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo (Trung Tâm Ngôn Ngữ và Văn Hóa) thì :

Cúng là dâng lễ vật lên Thần Thánh (các Đấng Thiêng Liêng) hay linh hồn người chết với lòng thành kính. Sách có câu : “*Cúng cả năm không bằng rằm tháng giêng*”.

Kiếng là kính, kính trọng, kính dâng. Người miền Bắc nói là *Kính*, người miền Nam nói là *Kiếng*. Ví dụ : Kiếng nhường (kính nhường), Kiếng dâng (kính dâng), Kiếng nể (kính nể).

Trong bài **Giới Tâm Kinh** có câu : “*Nghĩa hữu bằng phải kiếng phải tin*” (Câu 30).

Nghi thức **Tang Lễ**, Hội Thánh có dạy về Lễ Cáo Từ Tổ : “... *Phải đặt một bàn nghi ngoài để kiếng Thần Hoàng Bản Cảnh, đất đai Ngũ Phương...*”.

Trong **Thánh Ngôn Hiệp Tuyển**, Quyển II trang 193, in năm 1972, Đức Quan Âm Bồ Tát có dạy : “*Các em phải lo cúng kiếng thường*”.

*Trong **Đạo Cao Đài**, Cúng Kiếng thường có nghĩa là cúng bái Đức CHÍ TÔN, Đức PHẬT MẪU và các Đấng Thiêng Liêng.

Trong **Đạo Cao Đài**, hai từ **Cúng Kiếng** và **Lễ Bái** (hay Cúng Bái) gần như đồng nghĩa với nhau (**Lễ** : những nghi thức được tiến hành nhằm đánh dấu một sự kiện có ý nghĩa,

cách bày tỏ lòng kính trọng hoặc bằng phép tắc hoặc bằng lễ vật. **Bái** : làm động tác lễ nghi như vái, lạy để biểu thị sự tôn kính, ví dụ như bái biệt, cúc cung bái).

2.- LỄ BÁI LÀM KHỞI TÂM ĐẠO

Các tôn giáo thường xem trọng sự lễ bái các **Đấng Thiêng Liêng**, như là trong **Đạo Cao Đài**, sự lễ bái Đức CHÍ TÔN và Đức PHẬT MẪU được xem là quan trọng hàng đầu.

Việc lễ bái trước tiên làm cho tâm đạo của chúng ta mỗi ngày thêm vững chắc.

Trong bài **Thài Hội Yến Diêu Trì Cung**, Thất Nương Diêu Trì Cung có dạy : “*Lễ bái thường hành tâm đạo khởi*”. Cũng với ý nghĩa đó mà trong dân gian có câu : “*Vô chùa thấy Phật muốn tu*”.

Trong **Quyển Luận Đạo Vấn Đáp**, Ngài **Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu** có nói về việc Cúng Kiếng Thờ Phụng như sau :

“*Người Ngoại Đạo vấn : Vào Đạo rồi, mỗi ngày phải cúng Tứ thời, buộc chi nhiều vậy, e mất hết ngày giờ đi chăng ?*”

Người Trong Đạo đáp : *Cúng tứ thời là cách tập mình chịu cực lần lần vì tu là khổ hạnh trăm bề, mà muốn chịu nổi khổ hạnh, trước phải tập lần. Và lại, cúng kiếng có ích cho mình chớ chẳng ích chi cho THƯỢNG ĐẾ. Mỗi ngày có cúng, đạo tâm có nở nang, tứ chi vận chuyển, tinh thần cảm hóa, nếu bỏ qua việc cúng kiếng, chi cho khởi đạo tâm một ngày một xao lãng, sự kính thành của mình một ngày một phai pha mà ra điều thất lễ*”.

3.- SỰ ÍCH LỢI CỦA VIỆC CÚNG KIẾNG

Về việc cúng Tứ thời, ngày 9-11 Bính Dần (13-12-1926), Đức CHÍ TÔN giảng cơ đã dạy :

“... Luôn dịp THẤY cho các con biết :

Cúng Tứ thời có ích cho các con lắm, chớ không phải ích chi cho THẤY. Nếu cúng được thường thì lòng dạ nở nang, tứ chi luân chuyển, có nhiều khi tật bệnh tiêu diệt.

Các con nên biết việc cúng Tứ thời nghe.

THẤY ban ơn cho các con ”.

(Trích từ Bộ Thánh Ngôn do Đức Nguyên sưu tập, Quyển I : bài 39 trang 79, hoặc bài 61 trang 119 đối với quyển in lần thứ 2).

Về việc cúng kiếng, trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển II, trg193 (1972), ngày 8 tháng 5 năm 1933, Đức Quan Âm Bồ Tát có nói với quý vị Chức sắc Tiên khai như sau :

“Chào các em. Các em phải lo cúng kiếng thường.

- Một là lập cho Chơn Thần được gần gũi các Đấng Thiêng Liêng dâng sáng lạn¹.

- Hai là cầu khẩn với Đức ĐẠI TỬ BI tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.

- Ba là có tế lễ thì tâm phải cảm, cảm rồi phải ứng, ứng là lẽ tự nhiên.

- Bốn là tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà nhứt là khiếu lương tri lương năng của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mãn huệ ”.

Ngoài các lợi ích do Đức CHÍ TÔN và Đức Quan Âm Bồ Tát đã dạy ở trên, còn có nhiều lợi ích khác cũng rất quan trọng.

¹ Người ta cũng thường viết là : Xán lạn. Trong một bài thơ, Thi sĩ Thế Lữ đã viết : “ Thu xán lạn”.

* Về thể chất : Tư thế ngồi cúng tại *Tòa Thánh*, tư thế quì cúng tại *Thánh Thất* hay *Điện Thờ*, tư thế đứng hầu đàn và đứng trong lúc *Nhạc Tấu Huân Thiên* là ba tư thế thiền định luyện *Tam Bửu Tinh Khí Thần hiệp nhứt*, nếu như trong ba tư thế trên ta giữ cho xương sống luôn luôn thẳng đứng và hai chân khép lại chạm vào nhau. Tư thế ngồi cúng là *Tọa thiền*, tư thế quì cúng là *Quỳ thiền*, tư thế hầu đàn và đứng trong lúc *Nhạc Tấu Huân Thiên* là *Trụ thiền*. Chúng ta giữ cho đừng phóng tâm, tập trung tư tưởng ngưỡng vọng Đức CHÍ TÔN, Đức PHẬT MẪU, đưa tư tưởng theo các lời kinh, dần dần trong cơ thể chúng ta sẽ có sự chuyển biến làm cho *Tinh hóa Khí, Khí hiệp Thần*, và sau cùng *Thần hườn Hu*. Nhưng muốn đạt được kết quả này, chúng ta phải bền chí tu tập trong một thời gian rất lâu dài, có khi đến mãn đời, nhứt định chúng sẽ đạt được kết quả tốt đẹp chắc chắn trên con đường đi tìm sự giải thoát, bởi vì phép thiền xuyên qua việc cúng kiếng không bao giờ có những phản ứng tai hại như tẩu hỏa nhập ma của các phép thiền khác mà chúng ta thường nghe nói đến.

* Về Tâm Linh : *Tứ Thời tụng niệm là một Bí Pháp của Đạo Cao Đài*, điều này nên truyền ra cho cả thầy đều biết, đặc biệt là các Thời Cúng *Tiểu Đàn* và *Đại Đàn* vì trong các thời cúng này có *dâng Tam Bửu*. Trong quyển *Bí Pháp*, Đức Hộ Pháp thuyết đạo có dạy rằng việc *dâng Tam Bửu* lên Đức CHÍ TÔN là một bí pháp giải thoát luân hồi, bởi vì khi chúng ta *dâng trọn Thể xác* (khi *dâng Hoa*), *dâng trọn Chơn thần* (khi *dâng Rượu*) và *dâng trọn Linh hồn* (khi *dâng Trà*) lên cho Đức CHÍ TÔN, Đức PHẬT MẪU dùng phương chi thì dùng, tức là chúng ta đã *dâng trọn cả nghiệp quả* từ nhiều kiếp trước và kiếp hiện tại cho Đức CHÍ TÔN và Đức PHẬT MẪU, miễn là từ đây đến chết, chúng ta không gây tội lỗi nào nữa, thì như thế, chúng ta không còn nghiệp quả nào nữa,

tức nhiên chúng ta sẽ được giải thoát, vì không còn ai níu kéo đòi nợ chúng ta nữa.

* Đức CHÍ TÔN bảo chúng ta dâng Tam Bửu cho NGÀI là một cách gián tiếp NGÀI đem *Bí Pháp Giải Thoát Luân Hồi* giao cho chúng ta.

4.- LỜI THUYẾT ĐẠO CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

Theo Lời Thuyết Đạo trong Quyển Bí Pháp trang 44-45-46 (Bản in tại Hoa Kỳ), Đức Phạm Pháp có giảng như sau :

Đức CHÍ TÔN “NGÀI biểu chúng ta hiến ba món báu trong mình chúng ta là Tam Bửu :

- 1.- Xác Thịt
- 2.- Trí Não
- 3.- Linh Hồn

Tức nhiên thân thể và phàm thể của chúng ta, Đức CHÍ TÔN biểu chúng ta hiến cho NGÀI dâng NGÀI phụng sự cho Vạn Linh.

Chúng ta thấy gì ? Mỗi ngày chúng ta kêu Đức CHÍ TÔN làm chứng, kêu Tam Giáo làm chứng, giờ phút này con nguyện dâng cả xác thịt, trí não và linh hồn của con cho THẤY dâng THẤY làm lợi khí mà phụng sự cho Vạn Linh. Hễ dâng rồi thì còn gì của mình nữa, có trả nợ tiền chớ không có tạo nữa ; nếu có tạo mà giờ phút này mình đến Đền Thánh này đây, ngồi trong lòng của Đức CHÍ TÔN đứng trong phần tử Thánh Thể của NGÀI tình cờ mình bị quả kiếp gì xảy đến, mình không biết, vì thân thể mình không biết duy chủ nữa mà chính Đức CHÍ TÔN duy chủ, vì mình giao cả thân thể mình nơi tay Đức CHÍ TÔN thì mình không còn biết gì nữa,

Ngày kia mình có thể nói, mỗi hành tàng của con làm, con đã tạo, con giao cả trong tay ĐẠI TỬ PHỤ, quyền hạn xử định do nơi tay THẤY, chớ con không biết.

Mình giao cả hình hài đó cho NGÀI sử dụng, nếu sự gì không hay xảy tới cho mình, mình không hiểu, mình giao cả thân thể mình cho Đức CHÍ TÔN, dâng Đức CHÍ TÔN phụng sự cho Vạn Linh, quyền sử dụng ấy do Đức CHÍ TÔN quyết định, mình đừng làm trái với mặt luật của NGÀI định.

Ấy vậy, mỗi ngày, từ mới tới trưa, đến chiều, từ chiều đến khuya, từ khuya đến sáng, mình vô Đền Thánh kêu Đức CHÍ TÔN, kêu Tam Giáo và các Đấng Thiêng liêng mà phân chứng trước. Thân tôi không còn là của tôi nữa, tôi đã hiến cho Đức CHÍ TÔN làm tôi tớ cho Vạn linh thay thế Đức CHÍ TÔN, giờ phút đó, chúng ta không biết tội nào của chúng ta đã làm, dầu có tội mà chúng ta không làm điều gì thêm nữa, thì quả kiếp ấy tiêu diệt, cơ quan giải thoát chúng ta đoạt, không thể gì định tội được.

Đức CHÍ TÔN biểu chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta, tức nhiên ta đã đoạt được Cơ Giải Thoát, quyền ấy chính của ta chớ không phải của Đức CHÍ TÔN. Lấy quyền của ta mà cho ta, mình đã định quyền cho mình, chớ không phải NGÀI định ; NGÀI định cho có quyền giải thoát, quyền thiêng liêng không có tạo, chính ta tạo quyền giải thoát đó do nơi ta mà thôi”.

Đức Hộ Pháp dạy tiếp : “Trong một thời cúng, Bản Đạo đã căn dặn nhiều phen, hệ trọng hơn hết là khi dâng Tam Bửu. Dầu tinh thần suốt buổi cúng có nhiều lúc lo ra đi nữa, đến khi dâng Tam Bửu, khuyên cả thầy định thân mật niệm dâng Ba Bửu trọng hệ cho CHÍ TÔN, tức là giúp Bản Đạo hành pháp dễ dàng một chút đó” (trích trong quyển Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, trang 23).

Trước lúc dâng Tam Bửu, trong lúc tụng các bài kinh chúng ta cũng tiếp nhận được nhiều thanh điển do Đức CHÍ TÔN và các Đấng Thiêng Liêng ban cho.

Trong Quyển Lời Thuyết Đạo, trang 15, Đức Hộ Pháp có dạy : “*Mấy em có thấy đâu khi vô Đền Thánh,... Qua đứng trên Ngai lấy hết tư tưởng của mấy em cầu kinh, Qua ôm hết dâng lên cho Đức CHÍ TÔN, dâng đây không phải là tiếng thường, ấy là cái Thiên Thiệu, NGÀI hưởng rồi NGÀI trả lại cho mấy em cái Thiên Tình... Qua đứng trên Ngai, Qua thấy trên Nê Hoàn Cung của mấy em, nếu định tâm, thì có một hào quang xung lên đều đều, mọi người đều có cả hào quang đó. Có một vị Phật ôm hết đem vào Bát Quái Đài, hiệp với đạo hào quang trong Quả Càn Khôn đoạn đem trở ra bao trùm chỗ ngồi của mấy em, mà mấy em không thấy được, cho nên khi mấy em hầu lễ, nếu biết hưởng cái ơn Thiêng Liêng ban cho đó thì tinh thần được an tịnh, hạnh phúc biết bao nếu biết thọ hưởng cái hồng ân đó...*”. Do đó, khi cúng chúng ta được hưởng nhiều điển lành là vậy. Và cũng do đó mà :

Đức Hộ Pháp đã nói (trong Quyển Lời Thuyết Đạo, trang 222) : “*Buổi ăn của Linh hồn là buổi ta vô Đền Thờ cúng đấy. Ta không thấy mùi của nó tức là chưa hưởng được, tưởng vô đền thờ là bị bắc buộc, không dè mỗi phen đi cúng tức là cho Linh hồn ăn. Bản Đạo tưởng thấy trong trí cần phải buộc cả thầy đi cúng...*”. Đức CHÍ TÔN bảo chúng ta cúng mỗi ngày 4 thời, không phải để làm mất thì giờ của chúng ta mà là để cho Linh hồn của chúng ta được ăn nhiều.

Đức Hộ Pháp có nói (cũng trong Quyển Lời Thuyết Đạo, trang 223) : “*Không có một điều gì mà CHÍ TÔN định trong chơn giáo của NGÀI, dầu Bí Pháp, dầu Thử Pháp, mà vô ích đâu... Từ ngày khai Đạo, Kinh Kệ, Lễ Bái, sự chi sắp đặt*

về đạo đức cũng chính CHÍ TÔN tạo thành, không phải do các Đấng khác, NGÀI buộc mình làm tức có cần yếu, hữu ích chi đó, NGÀI mới buộc. Vì cơ nên thời giờ này, thấy Bản Đạo bó buộc nghiêm khắc có lẽ những kẻ biếng nhác cũng phàn nàn lên lút. Ngày cuối cùng các bạn gặp Bản Đạo nơi Thiêng Liêng, Bản Đạo mới hỏi các bạn coi khi còn ở thế Bản Đạo buộc cả thầy đi cúng là tội hay có công... Còn biếng nhác quá! Xác thịt đã hư rồi đến Linh hồn, phải coi chừng cho lắm, kẻo ngày kia ăn năn quá muộn”.

Trong Quyển Lời Phê của Đức Hộ Pháp, nơi trang 9, có ghi : Có một vị Chí Thiện làm tờ dâng lên Đức Hộ Pháp xin nghỉ cúng thời Tý vì già cả, bệnh hoạn. Đức Hộ Pháp mới phê như sau : “*Hết càng già lại càng cúng nhiều dâng dâng mạng căn số kiếp của mình cho Đức CHÍ TÔN định, ấy là bí mật giải thoát của CHÍ TÔN để nơi Cơ Tân Độ. Dầu đương giờ mình cúng mà chết trước mặt NGƯỜI lại càng hay. Phải tuyên truyền cho ai ai cũng đều thấu đáo nghĩa lý Bí Pháp này. Khi đau ốm nằm dưỡng bệnh hãy nghe thời cúng là ngồi dậy dâng Tam Bửu cho CHÍ TÔN.”* Hộ Pháp (Ấn Ký).

Còn một điều rất quan trọng nữa là lúc Nhạc Tấu Huân Thiên. Trước khi cúng Đại Đàn hay Tiểu Đàn tại Tòa Thánh hay các Thánh Thất, sau phần Lôi Âm Cổ khởi và Bạch Ngọc Chung minh thì tới phần : Nhạc Tấu Huân Thiên. Khi Lễ xướng câu này thì mỗi người trong đàn cúng đều phải đứng cho thật nghiêm trang, ban nhạc khởi đánh trống Tiếp Giá (Nghinh Thiên) để đón rước Đức CHÍ TÔN và chư *Thần, Thánh, Tiên, Phật* giáng đàn. Mọi người trong đàn cúng phải tịnh tâm, chẳng nên xao động. Dứt trống Tiếp Giá thì xây trống mà đờn 7 bài, hoặc 5 bài hay 3 bài tùy theo lễ Vía.

Về Nhạc Tấu Huân Thiên, Đức Hộ Pháp có dạy như sau:

“... Khi nghe Nhạc Tấu Huân Thiên² là có âm thanh sắc tướng, song hiểu xác ý : Khi dâng lễ Đức CHÍ TÔN, qui pháp định, thấy và nghe cả Bát Hồn vận chuyển dâng cái sống cho NGÀI. Nên chi từ đây, khi nghe Nhạc Tấu Huân Thiên, chúng ta xem quý hơn Dâng Tam Bửu, dầu phải đi lỡ nửa chừng trong Đền Thờ, nghe đến đó phải dừng lại, cấm không được đi lộn xộn, vì lễ ấy làm mất điều kính trọng dâng lên CHÍ TÔN mà không nên. Khi ấy là vận chuyển Bát Hồn dâng lễ Đức CHÍ TÔN... Xin khuyên toàn đạo từ đây nên để trọn tâm mà kính trọng khi Nhạc Tấu Huân Thiên... Tiếng kèn, tiếng trống đất, tiếng trống da, tiếng mõ cây, tiếng khánh đá, tiếng chuông đồng, cùng với tiếng dây đàn, tiếng sáo trúc, ấy là Tám âm. Các vật vô năng mà nói được, có trật tự niêm luật hòa nhau là đạt Đạo, hiệp với tiếng kinh của mình đọc là âm thanh, nghĩa là con người cùng vạn vật đồng thanh hiến lễ.

Nơi Ngọc Hư Cung có đôi liên :

Bát Hồn tư mặc ca HUỲNH LÃO,

Vạn Vật đồng thanh niệm CHÍ TÔN.

(Huỳnh Lão là Đức CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ)

Bản Đạo dạy một lần nữa, khi nào xướng : Nhạc Tấu Huân Thiên, thì phải đứng bình tĩnh, người nào vô không kịp thì đứng ngoài mà thôi”.

Do trên, chúng ta thấy việc Cúng Đàn (Đại Đàn hay Tiểu Đàn) là rất quan trọng và rất hữu ích cho chúng ta. Cho nên mặc dầu nhà có lập Thiên Bàn thờ Đức CHÍ TÔN để Tứ thời tụng niệm, nhưng luật Đạo cũng buộc chúng phải đến Tòa Thánh hoặc Thánh Thất cúng vào các ngày Sóc, Vọng và Lễ Vía, để chúng ta có dịp đón rước Đức CHÍ TÔN và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật giáng đàn khi Nhạc Tấu Huân Thiên, và dâng Tam Bửu

² Có sách viết là : Quân Thiên. Từ trước đến nay, trong các tài liệu vẫn viết là : Huân Thiên.

(Tinh,Khí,Thần) của mình cho Đức CHÍ TÔN trong lúc dâng Hoa, dâng Rượu và dâng Trà.

Tân Luật, điều thứ 19 qui định rằng : “ Một tháng hai ngày Sóc, Vọng bốn đạo phải tụ lại Thánh Thất sở tại mà làm lễ và nghe dạy. Trừ ra ai có việc được chế ”.

Ngoài việc cúng kiếng Trời Phật, chúng ta cũng phải thường xuyên quét dọn và chăm sóc các Bàn Thờ cho được thanh khiết, và thỉnh thoảng đến Thánh Thất làm công quả, nhứt là trong những ngày Sóc,Vọng và Lễ Vía, đặc biệt là trong những ngày Tết.

Bát Nương Điều Trí Cung có dạy là “Những vị nào trong lúc ngày xuân biết lo phụng sự Thần, Thánh, Tiên, Phật thì công đức được xấp hai lần ngày thường” (TNHT, quyển II, trang 122 – bản in năm 1972).

HẾT

CẢM TẠ

Chân thành cảm tạ Quý Cơ Sở Đạo và Quý Huynh Tỷ đã nhiệt tình ủng hộ chúng tôi trong việc ấn tống Bộ Sách **Bước Đầu Tìm Hiểu Đạo Cao Đài** :

- Châu Đạo California và Tộc Đạo Orange	\$ 200.
- Quý Huynh Tỷ thuộc Tộc Đạo ANAHEIM	\$ 325.
- CTS Trần Tuấn Hải	\$ 20.
- Hiền Tỷ Huỳnh Thị Hữu	\$ 30.
- Cố Đạo hữu Nguyễn Phương Thanh	\$ 10.
- Hiền tài Bùi Văn Nho	\$ 20.
- Hiền Tỷ Nguyễn Kim Nhanh	\$ 20.
- Hiền tài Trần Văn Ô	\$ 20.
- Gia đình CTS Trần Quang Linh	\$ 20.
- CTS Hồ Ngọc Ân - Bùi Thị Lang	\$ 10.
- CTS Võ Ngọc Kim	\$ 10.
- Hiền Tỷ Tăng Thị Hoa	\$ 20.
- Hiền Tỷ Nguyễn Thị Xê	\$ 10.
- Hiền tài Võ Thanh Liêm	\$ 10.
- Cố Đạo hữu Nguyễn Văn Hiếu	\$ 10.
- Hiền Tỷ Huỳnh Em	\$ 10.
- Gia đình Mai Nguyễn	\$ 20.
- Hiền Tỷ Võ Thị Tươi	\$ 5.
- Kelly Lê	\$ 5.
- Kevin Lê	\$ 5.
- Kenny Lê	\$ 5.
- Phạm Ngọc Tuấn	\$ 5.
- Gia đình Trần Tấn Nghiệp	\$ 40.

- CTS Lê Quang Giai – Trần Thị Lợi	\$ 20.
- Th.Sự Cao Hòa Thuận – Trịnh Thị La	\$ 10.
- Gia đình Lê Thị Huyền Linh	\$ 20.
- Anh Chị Phan Trường Xanh	\$ 20.
- Gia đình Võ Kim Khê	\$ 20.
- Cháu Nguyễn Nhi	\$ 20.
- Cháu Nguyễn Trọng	\$ 10.
- Vị Nữ Đạo Tâm ẩn danh	\$ 40.
- Lê Quang Phong	\$ 20.
- Gia đình Lê Thị Huyền Nga	\$ 20.
- Gia đình Lê Quang Thuần	\$ 20.
- Gia đình Lê Thị Huyền Khanh	\$ 20.
- PTS Đoàn Ngọc Nga	\$ 5.
- Gia đình Hiền Tỷ Lê Ngọc Huệ	\$ 20.
- Th.Sự Nguyễn Thị Ánh – Ng. Thanh Long	\$ 5.
- CTS La Kim Hoa – Trần Quang Sơn	\$ 15.
- HTDP Nguyễn Thùy Trang	\$ 20.
- HTDP Nguyễn Thùy Dung	\$ 20.
- HTDP Nguyễn Thùy Mai	\$ 20.
- HTDP Nguyễn Thùy Diễm	\$ 20.
- HTDP Nguyễn Trung Hưng	\$ 20.

Trân trọng cảm ơn
Hiền tài Nguyễn Trung Đạo